Đắc Vô Cấu Nữ Kinh

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 339

Hán dịch: Bát-nhã-lưu-chi
Phiên âm & Lược dịch: Nguyên Tánh & Nguyên Hiển
Hiệu đính: Đại đức Thích Trí Thiện (03/2007)

Tuệ Quang Wisdom Light Foundation
PO Box 91748, Henderson, NV 89009
Website http://www.daitangvietnam.com
Email info@daitangvietnam.com

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 339 得無垢女經
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 339 Đắc Vô Cấu nữ Kinh

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.9 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14

==========

Đại Đức Thích Trí Thiện hiệu đính
No. 339 [Nos. 310(33), 338]

得無垢女經(一名論義辯才法門)
Đắc Vô Cấu nữ Kinh (nhất danh luận nghĩa biện tài Pháp môn)
ĐẮC VÔ CẤU NỮ KINH (Một tên khác là LUẬN NGHĨA BIỆN TÀI PHÁP MÔN)

元魏婆羅門瞿曇般若流支譯
Nguyên Ngụy Bà-la-môn Cồ Đàm Bát Nhã lưu chi dịch
Nguyên Ngụy Bà-la-môn Cồ Đàm Bát Nhã Lưu Chi dịch.

如是我聞。一時婆伽婆。
như thị ngã văn。nhất thời Bà-già-bà。
Tôi nghe như vầy, một thuở nọ, đức Thế Tôn
住舍婆提城祇陀樹林給孤獨園。與大比丘眾千二百五十人俱。
trụ xá Bà đề thành kì đà thụ lâm Cấp cô độc viên。dữ Đại bỉ khâu chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu。
trú tại thành Xá-bà-đề, rừng cây của Thái tử Kỳ-đà, vườn của ông Cấp-cô-độc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một nghìn hai trăm năm mươi người,
皆是阿羅漢諸漏已盡。無復煩惱。心得自在。
giai thị A La Hán chư lậu dĩ tận。vô phục phiền não。tâm đắc tự-tại。
đều là A-la-hán các lậu đã tận, không còn phiền não, tâm được tự tại,
善得心解脫。善得慧解脫。人中大龍。
thiện đắc tâm giải thoát。thiện đắc tuệ giải thoát。nhân trung Đại long。
khéo được tâm giải thoát, khéo tuệ giải thoát, loài Đại Long trong loài người,
應作者作。所作已辦。離諸重擔。逮得己利。
ứng tác giả tác。sở tác dĩ bạn。ly chư trọng đam。đãi đắc kỷ lợi。
việc nên làm đã làm, việc làm đã đầy đủ, lìa các uẩn, kịp được lợi mình,
盡諸有結。善得正智心解脫一切。心得自在。
tận chư hữu kiết。thiện đắc chánh trí tâm giải thoát nhất thiết。tâm đắc tự-tại。
sạch các hữu kiết, khéo đắc Chánh trí, tâm giải thoát tất cả, tâm được tự tại.
到第一彼岸。唯除一人尊者阿難。
đáo đệ nhất bỉ ngạn。duy trừ nhất nhân Tôn giả A-nan。
đến Đệ nhất bỉ ngạn, chỉ một người là Tôn giả A-nan,
餘者悉是大阿羅漢。諸大菩薩十千人俱皆不退轉。

dư giả tất thị Đại A La Hán。chư Đại Bồ Tát thập thiên nhân câu giai bất thối chuyển。
ngoài ra tất cả là đại A-la-hán, cùng với chúng Đại Bồ-tát mười nghìn người đều Bất thối chuyển,
唯一生縛其名曰。
duy nhất sanh phược kỳ danh viết。
chỉ còn một đời triền phược cuối cùng. Tên các vị ấy là:
寶明菩薩。慧聚菩薩。勝藏菩薩。名稱意菩薩。
bảo minh Bồ Tát。tuệ tụ Bồ Tát。thắng tạng Bồ Tát。danh xưng ý Bồ Tát。
Bồ-tát Bảo Minh, Bồ-tát Tuệ Tụ, Bồ-tát Thắng Tạng, Bồ-tát Danh Xưng Ý,
辯聚菩薩。觀世自在菩薩。得大勢菩薩。
biện tụ Bồ Tát。quán thế tự-tại Bồ Tát。đắc Đại thế Bồ Tát。
Bồ-tát Biện Tụ, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế,
彌勒菩薩。得無憂菩薩。文殊師利童子菩薩。
Di Lặc Bồ Tát。đắc Vô ưu Bồ Tát。Văn-thù-sư-lợi Đồng tử Bồ Tát。
Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Đắc Vô Ưu, Đồng tử Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi,
不迷行菩薩。不迷見菩薩。除惡菩薩。
bất mê hành Bồ Tát。bất mê kiến Bồ Tát。trừ ác Bồ Tát。
Bồ-tát Bất Mê Hạnh, Bồ-tát Bất Mê Kiến, Bồ-tát Trừ Ác,
壞一切悲闇菩薩。功德寶華莊嚴菩薩。金纓光德菩薩。
hoại nhất thiết bi ám Bồ Tát。công đức bảo hoa trang nghiêm Bồ Tát。kim anh quang đức Bồ Tát。
Bồ-tát Hoại Nhất Thiết Bi Ám, Bồ-tát Công Đức Bảo Hoa Trang Nghiêm, Bồ-tát Kim Anh Quang Đức,
障一切罪菩薩。不壞思惟菩薩。
chướng nhất thiết tội Bồ Tát。bất hoại tư duy Bồ Tát。
Bồ-tát Chướng Nhất Thiết Tội, Bồ-tát Bất Hoại Tư Duy...
如是等上首十千菩薩俱。
như thị đẳng thượng thủ thập thiên Bồ Tát câu。
như vậy tất cả cùng với mười nghìn vị Bồ-tát thượng thủ.
爾時尊者舍利弗。尊者大目揵連。
nhĩ thời Tôn giả Xá-lợi-phất。Tôn giả Đại Mục-kiền-liên。
Lúc bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại-mục-kiền-liên,
尊者摩訶迦葉。尊者須菩提。
Tôn giả Ma ha Ca-diếp。Tôn giả Tu-bồ-đề。
Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Tu-bồ-đề,
尊者富樓那彌多羅尼子。尊者離波多。尊者阿泥樓大。
Tôn giả phú lâu na di đa-la ni tử。Tôn giả Ly-bà-đa。Tôn giả a nê lâu Đại。
Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử, Tôn giả Ly-ba-đa, Tôn giả A-nê-lâu-đại,
尊者阿難陀。此如是等八大聲聞。文殊師利童子菩薩。
Tôn giả A-nan-đà。thử như thị đẳng bát Đại thanh văn。Văn-thù-sư-lợi Đồng tử Bồ Tát。
Tôn giả A-nan-đà... cả thảy đây là tám vị đại Thanh văn như Đồng tử Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi,
除惡菩薩。寶幢菩薩。不迷見菩薩。
trừ ác Bồ Tát。bảo tràng Bồ Tát。bất mê kiến Bồ Tát。
Bồ-tát Trừ Ác, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Bất Mê Kiến,
障一切罪菩薩。觀世自在菩薩。辯聚菩薩。不迷行菩薩。

chướng nhất thiết tội Bồ Tát。quán thế tự-tại Bồ Tát。biện tụ Bồ Tát。bất mê hành Bồ Tát。
Bồ-tát Chướng Nhất Thiết Tội, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, Bồ-tát Biện Tụ, Bồ-tát Bất Mê Hạnh,
此八菩薩摩訶薩等。并大聲聞。於晨朝時。
thử bát Bồ Tát Ma-Ha tát đẳng。tinh Đại thanh văn。ư Thần triêu thời。
tám vị Đại Bồ-tát này.v.v. với các vị Đại Thanh văn. Vào lúc sáng sớm,
著衣持鉢被服袈裟。
trứ y trì bát bị phục ca sa。
mặc áo bưng bát, khoác Cà-sa
相與欲入舍婆提城為乞食故。未到彼城。於路中間。共相謂言。
tương dữ dục nhập xá Bà đề thành vi khất thực cố。vị đáo bỉ thành。ư lộ trung gian。cộng tướng vị ngôn。
cùng nhau đang vào thành Xá-bà-đề để khất thực, chưa đến thành ấy, ở khoảng giữa đường, bàn tán với nhau rằng:
我等心住如色三昧。入舍婆提大城乞食。
ngã đẳng tâm trụ như sắc tam muội。nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。
chúng ta tâm trụ Như sắc Tam-muội, vào Xá-bà-đề đại thành khất thực.
如是若入舍婆提城。一切人民得聞聖諦。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。nhất thiết nhân dân đắc văn Thánh đế。
Như vậy nếu vào thành Xà-bà-đề, tất cả nhân dân được nghe Thánh đế.
尊者舍利弗曰。我心安住如色三昧。
Tôn giả Xá-lợi-phất viết。ngã tâm an trú như sắc tam muội。
Tôn giả Xá-lợi-phất nói: "Tôi tâm an trụ Như sắc tam-muội,
入舍婆提大城乞食。如是若入舍婆提城。
nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。như thị nhược nhập xá Bà đề thành。
vào thành Xà-bà-đề khất thực, như vậy nếu vào thành Xà-bà-đề,
一切人民於聖諦中。得無礙慧不破壞慧。彼慧不闇。
nhất thiết nhân dân ư Thánh đế trung。đắc vô ngại tuệ bất phá hoại tuệ。bỉ tuệ bất ám。
tất cả nhân dân đối với Thánh đế được tuệ Vô ngại, tuệ Bất phá hoại, tuệ ấy không tối tăm".
尊者大目揵連曰。我心安住如色三昧。
Tôn giả Đại Mục-kiền-liên viết。ngã tâm an trú như sắc tam muội。
Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: "Tôi tâm an trụ Như sắc tam-muội,
入舍婆提大城乞食。如是若入舍婆提城。
nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。như thị nhược nhập xá Bà đề thành。
vào thành Xá-bà-đề khất thực, như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề,
一切人民無有魔業。尊者大迦葉曰。
nhất thiết nhân dân vô hữu ma nghiệp。Tôn giả Đại ca diệp viết。
tất cả nhân dân không có ma chướng". Tôn giả Đại Ca-diếp nói:
我心安住如色三昧。入舍婆提大城乞食。
ngã tâm an trú như sắc tam muội。nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。
"Tôi tâm an trụ Như sắc tam-muội, vào thành Xá-bà-đề khất thực,
如是若入舍婆提城。一切婦人。一切丈夫。若男若女。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。nhất thiết phụ nhân。nhất thiết trượng phu。nhược nam nhược nữ。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, tất cả đàn bà, đàn ông, hoặc nam hoặc nữ
與我飲食。一切皆得無盡福報乃至涅槃。

dữ ngã ẩm thực。nhất thiết giai đắc vô tận phúc báo nãi chí Niết-Bàn。
cho tôi ăn uống, tất cả đều được phước báo vô tận cho đến Niết-bàn".
尊者須菩提曰。我心安住如色三昧。
Tôn giả Tu-bồ-đề viết。ngã tâm an trú như sắc tam muội。
Tôn giả Tu-bồ-đề nói:"Tôi tâm an trụ Như sắc tam-muội,
入舍婆提大城乞食。如是若入舍婆提城。
nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。như thị nhược nhập xá Bà đề thành。
vào thành Xá-bà-đề khất thực, như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề,
一切人民得阿蘭若。尊者富樓那彌多羅尼子曰。
nhất thiết nhân dân đắc a lan nhược。Tôn giả phú lâu na di đa-la ni tử viết。
tất cả nhân dân đắc A-lan-nhã". Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử nói:
我心安住如色三昧。入舍婆提大城乞食。
ngã tâm an trú như sắc tam muội。nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。
"Tôi tâm an trụ Như sắc tam-muội, vào thành Xá-bà-đề khất thực,
如是若入舍婆提城。一切人民皆得三昧。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。nhất thiết nhân dân giai đắc tam muội。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, tất cả nhân dân đều được Tam-muội".
尊者離波多曰。我心安住如色三昧。入舍婆提大城乞食。
Tôn giả Ly-bà-đa viết。ngã tâm an trú như sắc tam muội。nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。
Tôn giả Ly-ba-đa nói: "Tôi tâm an trụ Như sắc tam-muội, vào thành Xá-bà-đề khất thực,
如是若入舍婆提城。一切外道。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。nhất thiết ngoại đạo。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, tất cả ngoại đạo.
遮羅迦婆離婆羅闍迦尼。揵陀阿祇毘迦。婆羅門居士。
già la ca bà ly bà la đồ ca ni。kiền đà a kì tì ca。Bà-la-môn Cư-sĩ。
Già-la-ca, Bà-ly-bà-la, Xà-ca-ni, Kiền-đà, A-kỳ-ni-ca, Bà-la-môn, cư-sĩ,
得不惡見。尊者阿泥樓大曰。
đắc bất ác kiến。Tôn giả a nê lâu Đại viết。
chứng được Bất ác kiến". Tôn giả A-nê-lâu-đại nói:
我心安住如色三昧。入舍婆提大城乞食。
ngã tâm an trú như sắc tam muội。nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。
"Tôi tâm an trụ Như sắc tam-muội, vào thành Xá-bà-đề khất thực,
如是若入舍婆提城。一切人民得不嫉樂。尊者阿難陀曰。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。nhất thiết nhân dân đắc bất tật lạc。Tôn giả A-nan-đà viết。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, tất cả nhân dân được không thích ghen ghét". Tôn giả A-nan-đà nói:
我心安住如色三昧。入舍婆提大城乞食。
ngã tâm an trú như sắc tam muội。nhập xá Bà đề Đại thành khất thực。
"Tôi tâm an trụ Như sắc tam-muội, vào thành Xá-bà-đề khất thực,
如是若入舍婆提城。一切人民聞法即解。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。nhất thiết nhân dân văn Pháp tức giải。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, tất cả nhân dân nghe pháp liền hiểu".
文殊師利童子曰。我心安住觀察如色。
Văn-thù-sư-lợi Đồng tử viết。ngã tâm an trú quan sát như sắc。
Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nói: "Tôi tâm an trụ Quán sát Như sắc,

如是若入舍婆提城。門戶窓壁器莊嚴具。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。môn hộ song bích khí trang nghiêm cụ。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, nhà cửa tường vách các thứ đầy đủ trang nghiêm,
樹葉花果袈裟等中。出空無相無願等聲。出不生聲。
thụ diệp hoa quả ca sa đẳng trung。xuất không vô tướng vô nguyện đẳng thanh。xuất bất sanh thanh。
trong cây lá hoa trái ca-sa.v.v. đều xuất tiếng Không, Vô tướng, Vô nguyện.v.v. xuất tiếng không sanh,
亦出生聲。出無我聲。除惡菩薩曰。
diệc xuất sanh thanh。xuất vô ngã thanh。trừ ác Bồ Tát viết。
tiếng sanh, xuất tiếng vô ngã". Bồ-tát Trừ Ac nói:
我心安住觀察如色。如是若入舍婆提城。
ngã tâm an trú quan sát như sắc。như thị nhược nhập xá Bà đề thành。
"Tôi tâm an trụ Quán Sát Như Sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề
若彼眾生有惡業行。應受報者。彼見法故現世輕受。
nhược bỉ chúng sanh hữu ác nghiệp hành。ứng thọ báo giả。bỉ kiến Pháp cố hiện thế khinh thọ。
nếu chúng sanh kia có làm ác nghiệp, nên phải thọ ác báo, người ấy thấy pháp nên đời hiện tại được giảm nhẹ".
寶幢菩薩曰。我心安住觀察如色。
bảo tràng Bồ Tát viết。ngã tâm an trú quan sát như sắc。
Bồ-tát Bảo Tràng nói: "Tôi tâm an trụ Quán sát Như sắc,
如是若入舍婆提城。一切善寶滿藏悉開。不迷見菩薩曰。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。nhất thiết thiện bảo mãn tạng tất khai。bất mê kiến Bồ Tát viết。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, tất cả kho đầy vật quý đều khai mỡ". Bồ-tát Bất Mê Kiến nói:
我心安住觀察如色。如是若入舍婆提城。
ngã tâm an trú quan sát như sắc。như thị nhược nhập xá Bà đề thành。
"Tôi tâm an trụ Quán sát Như sắc, như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề,
何等眾生堪任菩提。婦女丈夫若男若女。眼見我者。
hà đẳng chúng sanh kham nhậm Bồ-đề。phụ nữ trượng phu nhược nam nhược nữ。nhãn kiến ngã giả。
tất cả chúng sanh nào kham nhậm Bồ-đề, đàn bà, đàn ông hoặc nam hoặc nữ, mắt thấy tôi
皆見我身。如佛身色。
giai kiến ngã thân。như Phật thân sắc。
đều thấy ngã-Ta thân。như Phật thân sắc。
đều thấy thân tôi, như sắc thân của Phật,
決定當得阿耨多羅三藐三菩提。障一切罪菩薩曰。
quyết định đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。chướng nhất thiết tội Bồ Tát viết。
chắc chắn chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Bồ-tát Chướng Nhất Thiết Tội nói:
我心安住觀察如色。如是若入舍婆提城。
ngã tâm an trú quan sát như sắc。như thị nhược nhập xá Bà đề thành。
"Tôi tâm an trụ Quán sát Như sắc, như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề,
一切人民五蓋不障。觀世自在菩薩曰。我心安住觀察如色。

nhất thiết nhân dân ngũ cái bất chướng。quán thế tự-tại Bồ Tát viết。ngã tâm an trú quan sát như sắc。
tất cả nhân dân không chướng ngại bởi ngũ-cái". Bồ-tát Quán Thế Tự Tại nói:"Tôi tâm an trú Quán sát Như sắc,
如是若入舍婆提城。何等眾生繫縛。
như thị nhược nhập xá Bà đề thành。hà đẳng chúng sanh hệ phọc。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, những chúng sanh nào phiền não trói buộc,
執掌欲被殺者皆得解脫。無有怖畏。辯聚菩薩曰。
chấp chưởng dục bị sát giả giai đắc giải thoát。vô hữu bố úy。biện tụ Bồ Tát viết。
ai cầm nắm sắp bị giết hại đều được giải thoát, không có sợ sệt". Bồ-tát Biện Tụ nói:
我心安住觀察如色。如是若入舍婆提城。
ngã tâm an trú quan sát như sắc。như thị nhược nhập xá Bà đề thành。
"Tôi tâm an trụ Quán sát Như sắc, như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề,
一切人民。何等惡心眾生。慈心相向遞共讚詠。
nhất thiết nhân dân。hà đẳng ác tâm chúng sanh。từ tâm tướng hướng đệ cộng tán vịnh。
tất cả nhân dân, những chúng sanh ác tâm nào, hướng tâm từ bi, cùng nhau liên tiếp tán than ngợi khen,
音聲語說皆得辯才。不迷行菩薩曰。
âm thanh ngữ thuyết giai đắc biện tài。bất mê hành Bồ Tát viết。
âm thanh, lời nói đều được biện tài". Bồ-tát Bất Mê Hạnh nói:
我心安住觀察如色。如是若入舍婆提城。隨何眾生。
ngã tâm an trú quan sát như sắc。như thị nhược nhập xá Bà đề thành。tùy hà chúng sanh。
"Tôi tâm an trụ Quán sát Như sắc, như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, tuỳ chúng sanh nào,
眼見我者。一切不退阿耨多羅三藐三菩提。
nhãn kiến ngã giả。nhất thiết bất thối a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。
mắt thấy tôi, tất cả không thối chuyển đối với quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác".
爾時彼大聲聞彼諸菩薩。依如是法。
nhĩ thời bỉ Đại thanh văn bỉ chư Bồ Tát。y như thị Pháp。
Lúc bấy giờ các vị đại Thanh văn và chư vị Bồ-tát đó nương pháp như vậy,
如是行說。相與進向舍婆提城。時憍薩羅。
như thị hành thuyết。tướng dữ tiến hướng xá Bà đề thành。thời kiêu tát la。
thực hành lời nói như vậy, cùng nhau hướng đến thành Xá-bà-đề. Lúc bấy giờ vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la
波斯匿王有女。名得無垢。已曾親近無量諸佛。
Ba-tư-nặc Vương hữu nữ。danh Đắc Vô Cấu。dĩ tằng thân cận vô lượng chư Phật。
có người con gái tên là Đắc-vô-cấu, đã từng gần gủi với vô lượng chư Phật,
久種善根。供養多佛。解甚深法。得五神通。
cửu chủng thiện căn。cúng dường đa Phật。giải thậm thâm Pháp。đắc ngũ Thần thông。
lâu trồng thiện căn, cúng dường nhiều vị Phật, hiểu pháp sâu xa, chứng được Ngũ thần thông,
天眼遠見。清淨過人。彼諸菩薩彼大聲聞。

Thiên nhãn viễn kiến。thanh tịnh quá nhân。bỉ chư Bồ Tát bỉ Đại thanh văn。
Thiên nhãn thấy xa, thanh tịnh hơn người. Các vị Bồ-tát và chư đại Thanh văn ấy
在道語說皆悉遙聞。彼女端正姿媚少雙。甚可愛樂。
tại đạo ngữ thuyết giai tất dao văn。bỉ nữ đoan chánh tư mị thiểu song。thậm khả ái lạc。
ở trên đường nói chuyện đều nghe tất cả, người con gái ấy đoan chánh thuỳ mị ít ai bằng, rất đáng yêu mến,
妙色具足。父母意念。
diệu sắc cụ túc。phụ mẫu ý niệm。
sắc đẹp đầy đủ, đẹp lòng cha mẹ,
一切婇女一切人民皆悉樂見。年始十二。二月八日。
nhất thiết thải nữ nhất thiết nhân dân giai tất lạc kiến。niên thủy thập nhị。nhị nguyệt bát nhật。
tất cả thải nữ, tất cả nhân dân đều thích nhìn thấy. Mới mười hai tuổi, hai tháng tám ngày,
弗沙星日意樂出遊。以求吉相。父母即聽。從婆羅門。
phất sa tinh nhật ý lạc xuất du。dĩ cầu cát tướng。phụ mẫu tức thính。tùng Bà-la-môn。
Phất-sa-tinh-nhật, ý muốn đi ra để cầu tướng tốt, cha mẹ liền cho phép theo Bà-la-môn.
有五百人齎持蘇酪。華果符[土+瓦]相隨而出。
hữu ngũ bách nhân tê trì tô lạc。hoa quả phù đỗ tướng tùy nhi xuất。
Có năm trăm người giao cho bưng sữa, hoa quả bình phù theo mà đi.
為欲解奏。彼婆羅門。見諸菩薩大聲聞已。即住念曰。
vi dục giải tấu。bỉ Bà-la-môn。kiến chư Bồ Tát Đại thanh văn dĩ。tức trụ niệm viết。
Vì muốn diễn tấu rõ ràng, vị Bà-la-môn ấy thấy các Bồ-tát và chư Đại Thanh văn xong, liền an trú chánh niệm mà nói:
我今見此吉相好人。時彼侍從婆羅門中。
ngã kim kiến thử cát tướng hảo nhân。thời bỉ thị tùng Bà-la-môn trung。
Ta nay thấy các người này thuộc tướng người tốt. Lúc ấy trong những người theo hầu Bà-la-môn,
有一長老大婆羅門。厥名梵天謂得無垢。
hữu nhất Trưởng Lão Đại Bà-la-môn。quyết danh Phạm Thiên vị Đắc Vô Cấu。
có một trưởng lão Bà-la-môn tên là Phạm-thiên nói với Đắc-vô-cấu
作如是言。女今當知。我此所見是不吉相。
tác như thị ngôn。nữ kim đương tri。ngã thử sở kiến thị bất cát tướng。
bằng những lời như thế này: Đắc Vô Cấu nay nên biết, chỗ thấy của tôi không phải là xem tướng,
前有如是諸比丘住。可迴入城。見如是相。所作不吉。
tiền hữu như thị chư Tỷ kheo trụ。khả hồi nhập thành。kiến như thị tướng。sở tác bất cát。
vì trước đã có như vậy các Tỳ-kheo trú ở đó, có thể quay vào thành, thấy tướng như vậy, việc thấy đó không phải bói toán,
以此因緣。或解或奏。不吉不成。即於爾時。
dĩ thử nhân duyên。hoặc giải hoặc tấu。bất cát bất thành。tức ư nhĩ thời。
do nhân duyên này, hoặc giải thích hoặc diễn tấu, chẳng phải bói toán thì không thành. Ngay lúc ấy,
得無垢女偈對梵天婆羅門曰。

Đắc Vô Cấu Nữ kệ đối Phạm Thiên Bà-la-môn viết。
Đắc Vô Cấu Nữ nói kệ trả lời Phạm thiên Bà-la-môn rằng:

見此無障勝
kiến thử Vô chướng thắng
Thấy này thắng vô chướng

能却多人惡
năng khước đa nhân ác
Từ bỏ nhiều người ác.

此見淨四諦
thử kiến tịnh tứ đế
Ấy là thấy Tứ đế,

正念信解脫
chánh niệm tín giải thoát
Chánh niệm tin giải thoát.

二足上福田
nhị túc thượng phúc điền
Trên hai chân phước điền,

施彼願生天
thí bỉ nguyện sanh Thiên
Người ấy nguyện sanh thiên.

得甘露果報
đắc cam lộ quả báo
Đắc quả báo cam lồ,

施者不得惡
thí giả bất đắc ác
Bố thí không gặp ác.

第一持戒人
đệ nhất trì giới nhân
Người trì giới đệ nhất,

離濁無惡念
ly trược vô ác niệm
Lìa uế không ác niệm.

行世間治病
hành thế gian trì bệnh
Hạnh chữa bệnh thế gian,

療救苦眾生
liệu cứu khổ chúng sanh
Chữa bệnh cứu khổ đời.

佛世間最勝
Phật thế gian tối thắng
Thế gian Phật, tối thắng,

第一之法主
đệ nhất chi Pháp chủ
Là Pháp chủ đệ nhất.

此是彼佛子
thử thị bỉ Phật tử
Đây chính là con phật,

無有塵垢染
vô hữu trần cấu nhiễm
Không có cấu nhiễm trần.

此諸大菩薩
thử chư Bồ-tát-ma-ha-tát
Các vị Đại Bồ-tát,

遠離何等法
viễn li hà đẳng Pháp
Rời xa hết pháp gì?

惡法皆遠離
ác Pháp giai viễn li
Ác pháp đều lìa xa,

常謹慎不越
thường cẩn thận bất việt
Thường cẩn thận không vượt.

持戒世間最
trì giới thế gian tối
Trì giới nhất thế gian,

好人見者勝
hảo nhân kiến giả thắng
Người tốt thấy tối thắng.

作塵許供養
tác trần hứa cúng dường
Từ lâu nguyện cúng dường,

彼得如法財
bỉ đắc như Pháp tài
Người ấy được tài pháp.

此滿足勝相
thử mãn túc thắng tướng
Đầy đủ thắng tướng này,

此善心淨田
thử thiện tâm tịnh điền
Là thiện tâm ruộng tịnh.

婆羅門得信
Bà-la-môn đắc tín
Bà-la-môn có tin,

獲多福生人
hoạch đa phước sanh nhân
Thu nhiều phước sanh nhơn.

爾時梵天婆羅門。為得無垢女。而說偈言。

nhĩ thời Phạm Thiên Bà-la-môn。vi Đắc Vô Cấu Nữ。nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc bấy giờ Phạm thiên Bà-la-môn vì Đắc Vô Cấu Nữ mà nói kệ rằng:

莫隨癡心言
mạc tùy si tâm ngôn
Chớ theo lời kẻ si,

齋時觀比丘
trai thời quán Tỷ kheo
Tỳ-kheo quán khi ăn

如著衣剃髮
như trước y thế phát
Như cạo tóc mặc áo,

求吉不用見
cầu cát bất dụng kiến
Cầu tốt, không cần biết.

尊朝不喜汝
tôn triêu bất hỉ nhữ
Thế Tôn không thích vậy,

我當必被笑
ngã đương tất bị tiếu
Ta ắt bị cười chê.

不得持齋戒
bất đắc trì trai giới
Không được trì trai giới,

願勿觀比丘
nguyện vật quán Tỷ kheo
Nguyện chớ nghĩ Tỳ-kheo.

若不觀比丘
nhược bất quán Tỷ kheo
Nếu không quán Tỳ-kheo,

則是大善哉
tắc thị Đại Thiện tai
Tức là đại thiện tai.

爾時得無垢女。為梵天婆羅門。而說偈言。

nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vi Phạm Thiên Bà-la-môn。nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ, vì Phạm thiên Bà-la-môn, mà nói kệ rằng:

非於今朝日
phi ư kim triêu nhật
Chẳng ở sáng hôm nay,

能救我父母
năng cứu ngã phụ mẫu
Mới cứu cha mẹ Ta.

非諸親非財
phi chư thân phi tài
Chẳng tài chẳng các thân,

亦復非嚴飾
diệc phục phi nghiêm sức
Cũng chẳng phải nghiêm sức.

此之功德人
thử chi công đức nhân
Ấy là người công đức,

入於有為行
nhập ư hữu vi hành
Vào trong hạnh hữu vi.

此人能救我
thử nhân năng cứu ngã
Người ấy hay giúp ta,

亦救我父母
diệc cứu ngã phụ mẫu
Cũng cứu mẹ cha Ta.

我於今朝日
ngã ư kim triêu nhật
Ta trong sáng hôm nay,

捨身復捨命
xả thân phục xả mạng
Xả hết thân mạng này.

甚愛樂佛法
thậm ái lạc Phật Pháp
Vô cùng thích Phật Pháp,

不欲世富樂
bất dục thế phú lạc
Không muốn thú vui đời.

更無異歸依
canh vô dị quy y
Một lòng hướng quy y,

能救護眾生
năng cứu hộ chúng sanh
Có thể cứu chúng sanh.

唯有佛法僧
duy hữu Phật Pháp tăng
Chỉ có Phật Pháp Tăng,

三寶能救護
Tam Bảo năng cứu hộ
Tam bảo mới cứu giúp.

爾時梵天婆羅門。語得無垢女言。

nhĩ thời Phạm Thiên Bà-la-môn。ngữ Đắc Vô Cấu Nữ ngôn。
Lúc bấy giờ Phạm thiên Bà-la-môn nói với Đắc Vô Cấu rằng:

汝大不是。汝於昔來。未曾見佛。未曾聞法。

nhữ Đại bất thị。nhữ ư tích lai。vị tằng kiến Phật。vị tằng văn Pháp。
Ngươi thật là không phải, ngươi xưa nay chưa từng thấy Phật, chưa từng nghe Pháp,

未供養僧。汝何處聞。云何信佛。得無垢女作如是言。

vị cúng dường tăng。nhữ hà xử văn。vân hà tín Phật。Đắc Vô Cấu Nữ tác như thị ngôn。
chưa từng cúng dường Tăng, ngươi nghe chỗ nào, làm sao tin Phật? Đắc Vô Cấu Nữ đáp rằng:

我生七日。時婆羅門。安置我身。

ngã sanh thất nhật。thời Bà-la-môn。an trí ngã thân。
Tôi sinh ra bảy ngày, lúc đó Bà-la-môn để thân tôi

在栴檀殿金寶床上。五百天子。在於我上空中行過。

tại chiên đàn điện kim bảo sàng thượng。ngũ bách Thiên tử。tại ư ngã thượng không trung hành quá。
ở trên giường Chiên đàn, điện Kim bảo, có năm trăm Thiên tử ở trên hư không bay qua nơi chỗ tôi.
我時得見。時彼五百諸天子中。有一天子。
ngã thời đắc kiến。thời bỉ ngũ bách chư Thiên tử trung。hữu nhất Thiên tử。
Lúc đó tôi được thấy trong năm trăm Thiên tử ấy, có một Thiên tử
曾見如來種種讚歎。說佛功德。讚歎法僧。
tằng kiến Như Lai chủng chủng tán thán。thuyết Phật công đức。tán thán Pháp tăng。
từng thấy Như Lai, tán thán nhiều lời về công đức của Phật, tán thán Pháp Tăng.
我時得聞五百天子。皆共問之。作如是言。君見佛來。
ngã thời đắc văn ngũ bách Thiên tử。giai cộng vấn chi。tác như thị ngôn。quân kiến Phật lai。
Lúc ấy tôi được nghe năm trăm Thiên tử, đều cùng nhau vấn hỏi những lời như thế này: Trước đây ngươi đã thấy Phật?
佛狀云何。云何得知。時彼天子。知我心信。
Phật trạng vân hà。vân hà đắc tri。thời bỉ Thiên tử。tri ngã tâm tín。
tướng trạng Phật ra sao? làm sao mà biết? Lúc đó Thiên tử ấy biết lòng tin của tôi,
為生五百天子信故。而說偈言。
vi sanh ngũ bách Thiên tử tín cố。nhi thuyết kệ ngôn。
vì để cho năm trăm Thiên tử sanh lòng tin, mà nói kệ rằng:

無垢欲染髮
vô cấu dục nhiễm phát
Vô Cấu muốn phát tâm,
清淨軟靡旋
thanh tịnh nhuyễn mĩ toàn
Thanh tịnh khéo trở lại.

面猶百葉花
diện do bách diệp hoa
Mặt như hoa bách diệp,
如夜空滿月
như dạ không mãn nguyệt
Như trăng giữa đêm không.

毫色雪頗梨
hào sắc tuyết pha lê
Tướng lông trắng pha lê,
眉間甚可憙
my gian thậm khả hỉ
Giữa mày rất vui vẽ.

諸眷屬中勝
chư quyến thuộc trung thắng
Tối thắng trong quyến thuộc,
佛語甚微妙
Phật ngữ thậm vi diệu
Lời Phật rất vi diệu.

人主師子頰
nhân chủ Sư tử giáp
Đẹp như bờm sư tử
眼目極殊妙
nhãn mục cực thù diệu
Đôi mắt rất thù diệu.

齊平四十齒
tề bình tứ thập xỉ
Bốn mươi răng bằng nhau,
眾生中心勝
chúng sanh trung tâm thắng
Giữa chúng sanh hơn hẳn.

彼復廣長舌
bỉ phục quảng trường thiệt
Vị ấy lưỡi dài rộng,
善淨圓滿面
thiện tịnh viên mãn diện
Mặt sạch đẹp tròn đầy.

利益善語言
lợi ích thiện ngữ ngôn
Lời khéo làm lợi ích,
離惡口兩舌
ly ác khẩu lượng thiệt
Lìa lưỡng thiệt, ác khẩu

無有無義語
vô hữu vô nghĩa ngữ
Không có lời vô nghĩa,
佛不毀譽語
Phật bất hủy dự ngữ
Phật không khen và chê.

利益諸眾生
無數眾生信

lợi ích chư chúng sanh
Lợi ích cho chúng sanh,
項相猶如貝
hạng tướng do như bối
Gối tóc như vỏ sò
譬如象王鼻
thí như Tượng Vương tỳ
Thí như vòi voi chúa,
陰如象王藏
âm như tượng vương tạng
Âm như tàng voi chúa,
身毛皆上靡
thân mao giai thượng mĩ
Thân mao đều hướng lên,
離垢惡實語
ly cấu ác thật ngữ
Lìa cấu ác, nói thật,
已破壞惡見
dĩ phá hoại ác kiến
Các ác kiến phá hoại,
眾生億問難
chúng sanh ức vấn nan
Ức chúng sanh vấn nạn,
遠離彼二邊
viễn li bỉ nhị biên
Liền xa lìa nhị biên,
隨何人聞者
tùy hà nhân văn giả
Những người nào nghe theo,
直不曲勝語
trực bất khúc thắng ngữ
Lời thẳng không xiên xẹo,
法雲普遍覆
Pháp vân phổ biến phúc
Pháp vân thảy bao trùm,
如來既自度
Như Lai ký tự độ
Như Lai đã tự độ
歸救中第一
quy cứu trung đệ nhất
Đứng đầu trong cứu độ,
餘無量功德
dư vô lượng công đức
Vô lượng công đức khác,
彼天子聞已
bỉ Thiên tử văn dĩ
Thiên tử kia nghe xong,

vô sổ chúng sanh tín
Vô số chúng sanh tin.
人生臂指長
nhân sanh tý chỉ trường
Hai cánh tay duỗi dài.
希淨齋却入
hy tịnh trai khước nhập
Ít khước từ vị tịnh.
亦復如日光
diệc phục như nhật quang
Cũng lại như mặt trời.
鹿[足+尃]足下平
lộc thuyên túc hạ bình
Gót bàn chân bằng phẳng.
一切牟尼王
nhất thiết Mâu Ni Vương
Vua trong các tịch tĩnh.
惡見悉已滅
ác kiến tất dĩ diệt
Ác kiến tất tiêu diệt
正答令歡喜
chánh đáp linh hoan hỉ
Đáp đúng khiến hoan hỷ.
說於中道法
thuyết ư trung đạo Pháp
Nói bằng pháp Trung đạo.
第一寂滅樂
đệ nhất tịch diệt lạc
Đệ nhất vui tịch diệt.
一切歡喜愛
nhất thiết hoan hỉ ái
Hoan hỷ yêu mến cả.
平等雨法雨
bình đẳng vũ Pháp vũ
Pháp vũ rơi bình đẳng
亦度彼眾生
diệc độ bỉ chúng sanh
Và độ cho chúng sanh
觀世間相應
quán thế gian tướng ứng
Xem thế gian tương ưng.
我不能具說
ngã bất năng cụ thuyết
Ta không thể nói đủ.
心開淨信佛
tâm khai tịnh tín Phật
Tâm khai thật tin Phật.

爾時得無垢女。說此偈已。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。thuyết thử kệ dĩ。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ nói kệ ấy xong,
即語梵天婆羅門言。大婆羅門。我生七日。便得聞此佛法功德。
tức ngữ Phạm Thiên Bà-la-môn ngôn。Đại Bà-la-môn。ngã sanh thất nhật。tiện đắc văn thử Phật Pháp công đức。

liền nói với Phạm thiên Bà-la-môn rằng: Đại Bà-la-môn, tôi sanh ra bảy ngày liền được nghe công đức Phật Pháp ấy.

從是已來不曾少時有癡覆心。不著諸欲。

tùng thị dĩ lai bất tằng thiểu thời hữu si phúc tâm。bất trước chư dục。

Từ đó đến nay tôi chưa từng có lúc nào bị tâm si che phủ, không chấp trước các dục vọng,

不著嫉妬。不著貪心。不起盜心。心不思量。

bất trước tật đố。bất trước tham tâm。bất khởi đạo tâm。tâm bất tư lượng。

không chấp trước tật đố, không chấp trước tâm tham, không khởi tâm trộm cắp, tâm có không so đo,

亦不憶念。不知愛著。或父或母。或兄或弟。

diệc bất ức niệm。bất tri ái trước。hoặc phụ hoặc mẫu。hoặc huynh hoặc đệ。

cũng không nhớ niệm, không biết ái trước, hoặc cha hoặc mẹ, hoặc anh hoặc em,

姊妹親屬。不知愛著。嚴飾之事。不知愛著。

tỉ muội thân chúc。bất tri ái trước。nghiêm sức chi sự。bất tri ái trước。

chị em bà con, không biết ái trước, việc trang sức tô điểm, không biết ái trước

王都城邑。聚落身命。不愛著生。大婆羅門。

Vương đô thành ấp。tụ lạc thân mạng。bất ái trước sanh。Đại Bà-la-môn。

cung vua thành ấp, xóm làng thân mạng, không ái trước sanh. Đại Bà-la-môn!

我憶異相。所謂佛相。大婆羅門。我心恒常憶念三種。

ngã ức dị tướng。sở vị Phật tướng。Đại Bà-la-môn。ngã tâm hằng thường ức niệm tam chủng。

Tôi nhớ tướng khác, cái gọi là Phật tướng. Đại Bà-la-môn, tâm tôi luôn luôn nhớ niệm ba điều.

何等為三。隨何方面。如來行處。我問如來。

hà đẳng vi tam。tùy hà phương diện。Như Lai hành xứ。ngã vấn Như Lai。

Những gì là ba? Theo phương diện gì nơi Như Lai làm, tôi hỏi Như Lai,

若佛說法。如是一切我悉攝取。

nhược Phật thuyết Pháp。như thị nhất thiết ngã tất nhiếp thủ。

nếu đức Phật thuyết Pháp như vậy tôi nhiếp thủ tất cả,

不失一字不失一義。不失一語無有一夜。

bất thất nhất tự bất thất nhất nghĩa。bất thất nhất ngữ vô hữu nhất dạ。

không quên một chữ, không quên một nghĩa, không quên một lời, không có một đêm,

或於一日隨在何處。我常見佛非是不見。我常聞法常供養僧。

hoặc ư nhất nhật tùy tại hà xử。ngã thường kiến Phật phi thị bất kiến。ngã thường văn Pháp thường cúng dường tăng。

hoặc ở một ngày bất cứ nơi nào tôi thường thấy Phật, chẳng những là không thấy mà còn thường nghe Pháp thường cúng dường Tăng.

大婆羅門。如是見佛。如是聞法供養眾僧。

Đại Bà-la-môn。như thị kiến Phật。như thị văn Pháp cúng dường chúng tăng。

Thưa Đại Bà-la-môn, thấy Phật như vậy, nghe Pháp cúng dường chúng Tăng như vậy

我無厭足。

ngã Vô yếm túc。

tôi không bao giờ chán.

爾時梵天大婆羅門。勅一同伴小婆羅門。

nhĩ thời Phạm Thiên Đại Bà-la-môn。sắc nhất đồng bạn tiểu Bà-la-môn。

Lúc ấy Phạm thiên đại Bà-la-môn sai một đồng bạn Bà-la-môn
作如是言。汝摩那婆。
tác như thị ngôn。nhữ Ma-na-bà。
mà nói rằng: Ông Ma-na-bà,
今速還去如得無垢向來所說。悉為大王及王夫人。說如是法。
kim tốc hoàn khứ như Đắc Vô Cấu hướng lai sở thuyết。tất vi Đại Vương cập Vương phu nhân。thuyết như thị Pháp。
nay ngươi nhanh chống trở về như Đắc Vô Cấu, hướng đến mà nói, tất vì Đại Vương và Hoàng Hậu nói pháp như vậy.
時摩那婆受教而去。如所見聞。悉為大王及王夫人。
thời Ma-na-bà thọ giáo nhi khứ。như sở kiến văn。tất vi Đại Vương cập Vương phu nhân。
Thời Ma-na-bà nhận lời mà đi, như chỗ thấy nghe, tất vì Đại Vương và Hoàng Hậu,
說如是法。
thuyết như thị Pháp。
nói Pháp như vậy.
爾時得無垢女。如佛功德為諸人說。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。như Phật công đức vi chư nhân thuyết。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ, vì mọi người mà nói công đức của Phật,
如法功德為諸人說。如僧功德為諸人說。
như Pháp công đức vi chư nhân thuyết。như tăng công đức vi chư nhân thuyết。
vì mọi người mà nói công đức của Pháp, vì mọi người mà nói công đức của Tăng.
時彼五百諸婆羅門。
thời bỉ ngũ bách chư Bà-la-môn。
Lúc đó năm trăm Bà-la-môn,
聞已皆發阿耨多羅三藐三菩提心。
văn dĩ giai phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。
nghe xong đều phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác.
爾時得無垢女。從輿而下。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。tùng dư nhi hạ。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ, từ trên bước xuống,
與諸侍從婆羅門俱。前詣菩薩大聲聞所。到已禮拜恭敬尊重。
dữ chư thị tùng Bà-la-môn câu。tiền nghệ Bồ-tát Đại thanh văn sở。đáo dĩ lễ bái cung kính tôn trọng。
cùng với các người hầu Bà-la-môn đến trước các Bồ-tát và đại Thanh văn, đến rồi cung kính tôn trọng làm lễ,
住在尊者舍利弗前。合掌而立。
trụ tại Tôn Giả Xá-lợi-phất tiền。hợp chưởng nhi lập。
ở trước Tôn giả Xá-lợi-phất, đứng chấp tay
問於尊者舍利弗言。大德舍利弗。一切女人。
vấn ư Tôn Giả Xá-lợi-phất ngôn。Đại Đức Xá-lợi-phất。nhất thiết nữ nhân。
hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: Thưa Đại đức Xá-lợi-phất, tất cả người nữ,
智慧甚少染欲極多。專行放逸心意狹劣。
trí tuệ thậm thiểu nhiễm dục cực đa。chuyên hành phóng dật tâm ý hiệp liệt。
trí tuệ rất ít, nhiễm dục rất nhiều, chuyên làm phóng dật, tâm ý hẹp hòi,

不念善法多念惡法。善哉大德。唯願垂哀悲心念我。
bất niệm thiện Pháp đa niệm ác Pháp。Thiện tai Đại Đức。duy nguyện thùy ai bi tâm niệm ngã。
không nghĩ pháp thiện mà nghĩ nhiều pháp ác. Hay thay Đại đức, cúi xin nhũ lòng từ bi thương tưởng con,
如應說法。令我長夜得大利益安隱快樂。
như ứng thuyết Pháp。linh ngã trường dạ đắc Đại lợi ích an ổn khoái lạc。
như lời hỏi mà thuyết pháp cho, khiến con đêm dài được lợi ích lớn an ổn vui vẻ.
此語未訖。時憍薩羅。波斯匿王。聞婆羅門摩那婆語。
thử ngữ vị cật。thời kiêu tát la。Ba-tư-nặc Vương。văn Bà-la-môn Ma-na-bà ngữ。
Nói lời ấy chưa xong, lúc đó nước Kiều-tát-la, Vua Ba-tư-nặc, nghe Bà-la-môn Ma-na-bà nói,
速疾急到。詣大聲聞諸菩薩所。見女在坐。
tốc tật cấp đáo。nghệ Đại thanh văn chư Bồ-tát sở。kiến nữ tại tọa。
nhanh chống đi đến, đến nơi các vị Bồ-tát và các đại Thanh văn, thấy con gái ngồi ở đó,
於自己女。如大聲聞如大菩薩。作如是言。
ư tự kỷ nữ。như Đại thanh văn như Bồ-tát-ma-ha-tát。tác như thị ngôn。
liền ở nơi con gái mình, cũng như trước Đại Thanh văn, Đại Bồ-tát, nói như vậy:
在家甚樂。何故在坐說如是言。我從是來。
tại gia thậm lạc。hà cố tại tọa thuyết như thị ngôn。ngã tùng thị lai。
Ở nhà rất vui, cớ sao ngồi ở đây nói lời như vậy, tôi từ trước đến nay,
不為癡覆。不著戲樂。不曾起心。時憍薩羅。
bất vi si phúc。bất trước hí lạc。bất tằng khởi tâm。thời kiêu tát la。
chưa bị si mê che khuất, chưa chấp trước hí lạc, chưa từng khởi tâm, lúc đó nước Kiều-tát-la,
波斯匿王。即自為女。而說偈言。
Ba-tư-nặc Vương。tức tự vi nữ。nhi thuyết kệ ngôn。
Vua Ba-tư-nặc, liền vì con gái mình, mà nói kệ rằng:

汝端正如天
nhữ đoan chánh như Thiên
Con đoan chánh như Trời,
姿媚如莊已
tư mị như trang dĩ
Dáng vẽ rất trang nghiêm.

何故起惡見
hà cố khởi ác kiến
Có gì khởi ác kiến,
說言皆不著
thuyết ngôn giai bất trước
Lời nói đều không trước.

王國土豐樂
Vương quốc thổ phong lạc
Vương quốc rất giàu có,
汝母隨汝心
nhữ mẫu tùy nhữ tâm
Mẹ con tuỳ tâm con.

女何所憶念
nữ hà sở ức niệm
Con nhớ niệm chỗ nào,
言不著身樂
ngôn bất trước thân lạc
Nói không trước thân lạc.

一切貴敬汝
nhất thiết quý kính nhữ
Tất cả quý kính con,
見汝者皆愛
kiến nhữ giả giai ái
Thấy con đều yêu mến.

百功德莊嚴
bách công đức trang nghiêm
Trăm công đức trang nghiêm,
何以不著樂
hà dĩ bất trước lạc
Sao lại không trước lạc.

女何所見聞
於樂生憂怖

nữ hà sở kiến văn
Con thấy nghe chỗ nào,
ư lạc sanh ưu phố
Nơi lạc sinh lo sợ.
好心向我說
hảo tâm hướng ngã thuyết
Tâm thích gì Ta nói,
汝有何所願
nhữ hữu hà sở nguyện
Con có sở nguyện gì.
爾時得無垢女。即為父王而說偈言。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。tức vi phụ Vương nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ, vì Phụ Vương mà nói kệ rằng:
王不覺家惡
Vương bất giác gia ác
Vua không biết nhà ác,
危脆諸陰中
nguy thúy chư uẩn trung
Nguy ngập trong các ấm.
有為所止宿
hữu vi sở chỉ tú
Hữu vi chỗ dừng nghỉ,
如妓兒戲場
như kĩ nhi hí trường
Như kỹ nữ trường chơi.
毒蛇所居處
độc xà sở cư xử mạng
Nơi ở của rắn độc,
命少時不停
thiểu thời bất đình
Mạng không lúc nào yên.
無有安樂心
vô hữu an lạc tâm
Không có tâm an lạc,
云何得睡眠
vân hà đắc thụy miên
Làm sao được ngủ nghỉ.
四大如毒蛇
tứ Đại như độc xà
Tứ đại như rắn độc.
三有何處樂
tam hữu hà xử lạc
Ba cỏi nơi nào vui.
多怨惡鬪諍
đa oán ác đấu tránh
Nhiều oán ác đấu tranh,
到曠野險處
đáo khoáng dã hiểm xử
Đến chỗ hiểm đồng trống.
煩惱怨圍繞
phiền não oán vây quanh
Oán phiền não vây chặt,
云何得安樂
vân hà đắc an lạc
Làm sao được yên vui.
何者是戲樂
hà giả thị hí lạc
Thế nào là hí lạc,
云何而著樂
vân hà nhi trước lạc
Làm sao mà đắm vui.
飲毒云何睡
ẩm độc vân hà thụy
Uống độc làm sao nhổ,
勅殺云何喜
sắc sát vân hà hỉ
Lịnh giết làm sao vui.
嶮岸云何安
hiểm ngạn vân hà an
Bờ hiểm làm sao an,
人命亦如是
nhân mạng diệc như thị
Mạng người cũng như vậy.
如來說譬喻
Như Lai thuyết thí dụ
Như Lai nói thí dụ,
有聚如須彌
hữu tụ như Tu Di
Có hợp như Tu di
爾許顛倒意
nhĩ hứa điên đảo ý
Khen nhiều ý điên đảo,
誰信無常劫
thùy tín vô thường kiếp
Ai tin kiếp vô thường.
父母兄弟等
phụ mẫu huynh đệ đẳng
Cha mẹ anh em thảy,
一切賊境界
nhất thiết tặc cảnh giới
Tất cả cảnh giới giặc.
善知識兒子
thiện tri thức nhi tử
Thiện tri thức con trẻ,
親友皆圍遶
thân hữu giai vi nhiễu
Bạn bè đều vây quanh.
猶如鏡中像
do như kính trung tượng
Giống như hình trong gương,
一切皆無常
nhất thiết giai vô thường
Tất cả đều vô thường.

有何等人輩
hữu hà đẳng nhân bối
Có thế hệ người nào,
能信此不實
năng tín thử bất thật
Hay tin đó không thật.
初見自然智
sơ kiến tự nhiên
Mới thấy trí tự nhiên,
即發菩提心
trí tức phát Bồ-đề tâm
Liền phát tâm Bồ-đề.
從發心已來
tùng phát tâm dĩ lai
Khi phát tâm đến nay,
未失菩薩行
vị thất Bồ-tát hành
Chưa mất Bồ-tát hạnh.
何處菩薩行
hà xử Bồ-tát hành
Chỗ nào Bồ-tát hạnh,
貪著世間樂
tham trước thế gian lạc
Tham trước vui thế gian.
我見彼如來
ngã kiến bỉ Như Lai
Ta thấy Như Lai kia,
不思議功德
bất tư nghị công đức
Công đức không nghĩ bàn.
聞善逝說法
văn thiện thệ thuyết Pháp
Nghe Thiện-thệ thuyết pháp,
見此佛子人
kiến thử Phật Tử nhân
Thấy vậy người Phật tử.
是故不憶念
thị cố bất ức niệm
Vì vậy không nhớ nghĩ,
著世五欲樂
trước thế ngũ dục lạc
Đắm dục lạc ở đời.

爾時憍薩羅國。波斯匿王。
nhĩ thời kiêu tát la quốc。Ba-tư-nặc Vương。
Lúc bấy giờ Vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la,
既聞女說默然不言。爾時得無垢女。知父默然。
ký văn nữ thuyết mặc nhiên bất ngôn。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。tri phụ mặc nhiên。
đã nghe con gái nói, im lặng không lên tiếng lời nào. Lúc ấy Đắc Vô Cấu Nữ, biết cha im lặng,
即語尊者舍利弗言。大德舍利弗。我欲問難願慈念我。
tức ngữ Tôn Giả Xá-lợi-phất ngôn。Đại Đức Xá-lợi-phất。ngã dục vấn nan nguyện từ niệm ngã。
liền nói Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: Đại đức Xá-lợi-phất, con có điều muốn hỏi, nguyện xin từ niệm.
佛說大德。智慧人中最為第一。大德。
Phật thuyết Đại Đức。trí tuệ nhân trung tối vi đệ nhất。Đại Đức。
Phật nói Đại đức là Trí tuệ đệ nhất trong mọi người. Thưa Đại đức!
何者智慧。彼智慧者。為常無常。若是常者。
hà giả trí tuệ。bỉ trí tuệ giả。vi thường vô thường。nhược thị thường giả。
Thế nào là trí tuệ, trí tuệ ấy là thường hay vô thường. Nếu là thường,
如佛所說。一切諸法皆悉無常。佛如是說。
như Phật sở thuyết。nhất thiết chư Pháp giai tất vô thường。Phật như thị thuyết。
như chỗ Phật nói, tất cả các pháp đều là vô thường, Phật nói như vậy,
則是妄說迷惑說法。若是無常。彼法不生。
tắc thị vọng thuyết mê hoặc thuyết Pháp。nhược thị vô thường。bỉ Pháp bất sanh。
tức là nói dối nói pháp mê hoặc. Nếu là vô thường, thì pháp kia không sanh,
若法不生彼法則無。為何所說。則不憶念說智慧法。

nhược Pháp bất sanh bỉ Pháp tắc vô。vi hà sở thuyết。tắc bất ức niệm thuyết trí tuệ Pháp。
nếu pháp không sanh thì pháp ấy tức không, làm sao mà nói, tức không nhớ niệm nói pháp trí tuệ,
以何義故。佛說大德智慧人中最為第一。
dĩ hà nghĩa cố。Phật thuyết Đại Đức trí tuệ nhân trung tối vi đệ nhất。
lấy gì có nghĩa, Phật nói trong mọi người trí tuệ Đại đức là đệ nhất?
尊者舍利弗。默然不答。爾時尊者大目犍連。
Tôn Giả Xá-lợi-phất。mặc nhiên bất đáp。nhĩ thời Tôn Giả Đại Mục-kiền-liên。
Tôn giả Xá-lợi-phất, im lặng không đáp. Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên,
問於尊者舍利弗言。何故默然不答女難。
vấn ư Tôn Giả Xá-lợi-phất ngôn。hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。
hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất rằng: Tại sao ngài im lặng không trả lời Đắc Vô Cấu Nữ hỏi?
尊者舍利弗言。女不問我無常之法。問不生法。
Tôn Giả Xá-lợi-phất ngôn。nữ bất vấn ngã vô thường chi Pháp。vấn bất sanh Pháp。
Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Đắc Vô Cấu Nữ không hỏi tôi pháp vô thường, mà hỏi pháp không sanh,
故我不答。爾時得無垢女。
cố ngã bất đáp。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。
vì vậy tôi không đáp. Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ,
問於尊者大目連言。大德目連佛說大德神通人中最為第一。
vấn ư Tôn Giả Đại mục liên ngôn。Đại Đức mục liên Phật thuyết Đại Đức Thần thông nhân trung tối vi đệ nhất。
hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rằng: Thưa Đại đức Mục-kiền-liên, đức Phật nói là đại đức có thần thông đệ nhất trong tất cả mọi người.
大德為住眾生想故。示現神通。
Đại Đức vi trụ chúng sanh tưởng cố。thị hiện Thần thông。
Xin Đại đức vì lòng muốn an trú chúng sanh nên thị hiện thần thông,
為住法想示現神通。若住眾生想示現神通者。眾生既無。
vi trụ Pháp tưởng thị hiện Thần thông。nhược trụ chúng sanh tưởng thị hiện Thần thông giả。chúng sanh ký vô。
vì lòng muốn trú pháp nên thị hiện thần thông. Nếu lòng muốn trú chúng sanh mà thị hiện thần thông, chúng sanh đã không,
云何大德示現神通。若住法想示現神通。
vân hà Đại Đức thị hiện Thần thông。nhược trụ Pháp tưởng thị hiện Thần thông。
làm sao đại đức thị hiện thần thông, nếu lòng muốn trú pháp thị hiện thần thông,
法無分別。大德亦爾無所分別。既無分別。
Pháp vô phân biệt。Đại Đức diệc nhĩ vô sở phân biệt。ký vô phân biệt。
pháp không phân biệt, Đại đức cũng vậy không chỗ phân biệt, đã không phân biệt
云何大德示現神通。尊者目連。默然不答。
vân hà Đại Đức thị hiện Thần thông。Tôn Giả mục liên。mặc nhiên bất đáp。
làm sao Đại đức thị hiện thần thông? Tôn giả Mục liên, im lặng không đáp.
爾時尊者。富樓那彌多羅尼子。

nhĩ thời Tôn Giả。phú lâu na di đa la ni tử。
Lúc bấy giờ Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử
問於尊者大目連言。何故默然不答女難。尊者目連言。
vấn ư Tôn Giả Đại mục liên ngôn。hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。Tôn Giả mục liên ngôn。
hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rằng: Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi? Tôn giả Mục liên nói:
女不問我分別。我無分別。
nữ bất vấn ngã phân biệt。ngã vô phân biệt。
nữ chẳng hỏi ngã Ta phân biệt。ngã Ta vô phân biệt。
Đắc Vô Cấu Nữ không hỏi tôi phân biệt, tôi không phân biệt,
不取不分別如來菩提道。是故我不答。
bất thủ bất phân biệt Như Lai Bồ-đề đạo。thị cố ngã bất đáp。
không nắm giữ không phân biệt đạo Bồ-đề Như Lai, vì vậy tôi không đáp.
爾時得無垢女。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ,
問於尊者富樓那彌多羅尼子言。大德富樓那。
vấn ư Tôn Giả phú lâu na di đa la ni tử ngôn。Đại Đức phú lâu na。
hỏi Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử rằng: Đại đức Phú-lâu-na,
佛說大德說法人中最為第一。大德為受持說法。為不受持說法。
Phật thuyết Đại Đức thuyết Pháp nhân trung tối vi đệ nhất。Đại Đức vi thọ trì thuyết Pháp。vi bất thọ trì thuyết Pháp。
đức Phật nói trong mọi người, Đại đức thuyết pháp là thứ nhất. Đại đức vì thọ trì thuyết pháp hay không vì thọ trì thuyết pháp?
若受持說法。則與一切愚癡凡夫等無有異。
nhược thọ trì thuyết Pháp。tắc dữ nhất thiết ngu si phàm phu đẳng vô hữu dị。
Nếu thọ trì thuyết pháp, tức cùng với tất cả phàm phu ngu si không có khác,
何以故。一切愚癡凡夫受持。大德。
hà dĩ cố。nhất thiết ngu si phàm phu thọ trì。Đại Đức。
vì sao vậy, tất cả phàm phu ngu si thọ trì. Đại đức,
如是不離一切愚癡凡夫法。若不受持說法。
như thị bất ly nhất thiết ngu si phàm phu Pháp。nhược bất thọ trì thuyết Pháp。
như vậy không lìa pháp tất cả phàm phu ngu si. Nếu không thọ trì thuyết pháp
法既無物。云何大德說法人中最為第一。
Pháp ký vô vật。vân hà Đại Đức thuyết Pháp nhân trung tối vi đệ nhất。
thì pháp đã không vật, làm sao trong mọi người Đại đức thuyết pháp là đệ nhất?
尊者富樓那彌多羅尼子。默然不答。
Tôn Giả phú lâu na di đa la ni tử。mặc nhiên bất đáp。
Tôn giả Phú lâu-na-di-đa-la-ni-tử, im lặng không đáp.
爾時尊者摩訶迦葉。問於尊者富樓那彌多羅尼子言。
nhĩ thời Tôn Giả Ma ha Ca-diếp。vấn ư Tôn Giả phú lâu na di đa la ni tử ngôn。

Lúc bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, hỏi Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử rằng:

何故默然不答女難。尊者富樓那彌多羅尼子言。

hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。Tôn Giả phú lâu na di đa la ni tử ngôn。

Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi? Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử nói:

女不問我世諦之義。問我真諦。故我不答。

nữ bất vấn ngã thế đế chi nghĩa。vấn ngã chân đế。cố ngã bất đáp。

nữ chẳng hỏi ngã Ta thế đế nghĩa。hỏi ngã Ta chân đế。 ngã Ta chẳng đáp。

Đắc Vô Cấu Nữ không hỏi tôi nghĩa tục đế, hỏi tôi chân đế, cho nên tôi không đáp.

爾時得無垢女。問於尊者大迦葉言。

nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vấn ư Tôn Giả Đại ca diệp ngôn。

Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp rằng:

大德摩訶迦葉。大德入八解脫。入已復出為人說法。

Đại Đức Ma ha Ca-diếp。Đại Đức nhập bát giải thoát。nhập dĩ phục xuất vi nhân thuyết Pháp。

Đại đức Ma-ha Ca-diếp, Đại đức nhập bát giải thoát, vào rồi lại ra vì mọi người thuyết pháp

於何人邊乃至微少受一瓢食。彼諸施者。

ư hà nhân biên nãi chí vi thiểu thọ nhất biều thực。bỉ chư thí giả。

ở nơi người nào nhận lấy một ít thức ăn thì những người thí kia

皆得生天。彼於大德。云何而施。為身淨施。

giai đắc sanh Thiên。bỉ ư Đại Đức。vân hà nhi thí。vi thân tịnh thí。

đều được sanh thiên, ở nơi đại đức làm sao mà thí? Vì thân thanh tịnh mà thí,

為心淨施。為身心淨施。

vi tâm tịnh thí。vi thân tâm tịnh thí。

vì tâm thanh tịnh mà thí, vì thân tâm thanh tịnh mà thí?

若身淨施身則無知無覺不動。如草如木如壁如土。彼身如是不能淨施。

nhược thân tịnh thí thân tắc vô tri vô giác bất động。như thảo như mộc như bích như độ。bỉ thân như thị bất năng tịnh thí。

Nếu thân thanh tịnh mà thí thân tức vô tri vô giác không động, như cây như cỏ như tường như đất, như vậy thân kia không thể tịnh thí.

若心淨施心則如幻不暫時住不能淨施。

nhược tâm tịnh thí tâm tắc như huyễn bất tạm thời trụ bất năng tịnh thí。

Nếu tâm thanh tịnh mà thí thời tâm như huyễn không lúc nào tạm dừng không thể tịnh thí.

若彼身心內外俱淨。如是身心不得淨施。

nhược bỉ thân tâm nội ngoại câu tịnh。như thị thân tâm bất đắc tịnh thí。

Nếu thân tâm kia trong ngoài đều thanh tịnh như vậy thân tâm không được tịnh thí.

身心無物云何淨施。尊者大迦葉。默然不答。

thân tâm vô vật vân hà tịnh thí。Tôn Giả Đại ca diệp。mặc nhiên bất đáp。

Thân tâm không vật làm sao mà tịnh thí? Tôn giả Đại Ca-diếp im lặng không đáp.

爾時尊者須菩提。問於尊者大迦葉言。

nhĩ thời Tôn Giả Tu-bồ-đề。vấn ư Tôn Giả Đại ca diệp ngôn。

Lúc bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề, hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp rằng:

何故默然不答女難。尊者大迦葉言。

hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。Tôn Giả Đại ca diệp ngôn。
Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi ? Tôn giả Đại Ca-diếp nói:
女不問我取法。問我不取法。是故我不答。
nữ bất vấn ngã thủ Pháp。vấn ngã bất thủ Pháp。thị cố ngã bất đáp。
Đắc Vô Cấu Nữ không hỏi tôi giữ Pháp, mà Tôi không thủ pháp, vì vậy tôi không đáp.
女問我實際。是故我不答。
nữ vấn ngã thật tế。thị cố ngã bất đáp。
Đắc Vô Cấu Nữ hỏi tôi thực tế, vì vậy tôi không đáp
爾時得無垢女。問於尊者須菩提言。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vấn ư Tôn Giả Tu-bồ-đề ngôn。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề rằng:
大德須菩提。佛說大德阿蘭若行最為第一。
Đại Đức Tu-bồ-đề。Phật thuyết Đại Đức a lan nhược hành tối vi đệ nhất。
Đại đức Tu-bồ-đề, đức Phật nói Đại đức là đệ nhất hạnh A-lan-nhã
大德阿蘭若者。為有物修。為有法修。
Đại Đức a lan nhược giả。vi hữu vật tu。vi hữu Pháp tu。
Đại Đức đống lớn cây hoa lan hoặc。vì có vật tu。vì có Pháp tu。
Đại đức A-lan-nhã là vì có vật tu? Vì có pháp tu?
若有物修則是無常。若有法修法無生相。法無滅相。
nhược hữu vật tu tắc thị vô thường。nhược hữu Pháp tu Pháp vô sanh tướng。Pháp vô diệt tướng。
Nếu có vật tu tức là vô thường, nếu có pháp tu tức tướng của pháp không sanh, tướng pháp không diệt.
法若不生不滅相者。彼則平等。彼若平等則非平等。
Pháp nhược bất sanh bất diệt tướng giả。bỉ tắc bình đẳng。bỉ nhược bình đẳng tắc phi bình đẳng。
Nếu tướng pháp không sanh không diệt, pháp kia tức là bình đẳng, nếu pháp kia bình đẳng tức chẳng phải là bình đẳng.
彼若真如則非真如不動不轉。
bỉ nhược chân như tắc phi chân như bất động bất chuyển。
Nếu pháp kia chơn như tức chẳng phải là chơn như, không động không chuyển.
若不動轉彼不得說。若不得說彼不思議。
nhược bất động chuyển bỉ bất đắc thuyết。nhược bất đắc thuyết bỉ bất tư nghị。
nếu không động không chuyển thời pháp kia không được thuyết, nếu không được nói thời kia không thể bàn.
若不思議彼不可說。若不可說彼則無物。
nhược bất tư nghị bỉ bất khả thuyết。nhược bất khả thuyết bỉ tắc vô vật。
Nếu không thể bàn thì pháp kia không thể nói, nếu không thể nói thì pháp kia vô vật,
若無物者彼則無實。若無實者聖人不說。尊者須菩提。
nhược vô vật giả bỉ tắc vô thật。nhược vô thật giả Thánh nhân bất thuyết。Tôn Giả Tu-bồ-đề。
nếu vô vật thời pháp kia không thật, nếu không thật thì Thánh nhân không nói. Tôn giả Tu-bồ-đề
默然不答。爾時尊者離波多。問於尊者須菩提言。
mặc nhiên bất đáp。nhĩ thời Tôn Giả Ly-bà-đa。vấn ư Tôn Giả Tu-bồ-đề ngôn。

im lặng không đáp. Lúc bấy giờ Tôn giả Ly-ba-đa hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề rằng:
何故默然不答女難。尊者須菩提言。
hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。Tôn Giả Tu-bồ-đề ngôn。
Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi? Tôn giả Tu-bồ-đề nói:
乃至無有少法可說。默然為樂。女問如是不戲論法。
nãi chí vô hữu thiểu Pháp khả thuyết。mặc nhiên vi lạc。nữ vấn như thị bất hí luận Pháp。
Thậm chí không có một mảy may pháp để nói, vì vui mà im lặng, Đắc Vô Cấu Nữ hỏi như vậy không phải là pháp hí luận.
諸有言說皆是不善。不言說界是阿蘭若行。
chư hữu ngôn thuyết giai thị bất thiện。bất ngôn thuyết giới thị a lan nhược hành。
Có những lời nói đều không thiện, thuyết giới không lời tức chính là hạnh A-lan-nhã.
爾時得無垢女。問於尊者離波多言。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vấn ư Tôn Giả Ly-bà-đa ngôn。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi Tôn giả Ly-bà-đa rằng:
大德離波多。佛說大德坐禪人中最為第一。
Đại Đức Ly-bà-đa。Phật thuyết Đại Đức tọa Thiền nhân trung tối vi đệ nhất。
Thưa Đại đức Ly-bà-đa, Phật nói Đại đức tọa thiền là bậc nhất trong mọi người.
大德為心依止禪。為心不依止禪。若心依止禪。
Đại Đức vi tâm y chỉ Thiền。vi tâm bất y chỉ Thiền。nhược tâm y chỉ Thiền。
Đại đức vì tâm nương vào nơi thiền hay vì tâm không nương vào thiền. Nếu tâm nương vào thiền
心則如幻不實分別。若當如是不實。
tâm tắc như huyễn bất thật phân biệt。nhược đương như thị bất thật。
tức tâm như huyễn phân biệt không thật. Nếu không thật như vậy,
分別則不實。依止禪三昧則不實。若無心念禪。
phân biệt tắc bất thật。y chỉ Thiền tam muội tắc bất thật。nhược vô tâm niệm Thiền。
phân biệt tức không thật, nương vào thiền Tam-muội tức không thật, nếu vô tâm mà niệm thiền thì
一切死人亦得歡喜。諸草木壁波羅賒樹。
nhất thiết tử nhân diệc đắc hoan hỉ。chư thảo mộc bích ba la xa thụ。
tất cả người chết cũng được vui vẻ, chư cỏ, cây, tường, cây ba-la-xa,
皆應三昧。何以故。以彼諸物皆無心故。
giai ứng tam muội。hà dĩ cố。dĩ bỉ chư vật giai vô tâm cố。
đều ứng với Tam-muội. Tại sao vậy? Do những vật kia đều vô tâm.
尊者離波多。默然不答。爾時尊者阿泥樓大。
Tôn Giả Ly-bà-đa。mặc nhiên bất đáp。nhĩ thời Tôn Giả a nê lâu Đại。
Tôn giả Ly-bà-đa im lặng không đáp. Lúc bấy giờ Tôn giả A-nê-lâu-đại
問於尊者離波多言。何故默然不答女難。
vấn ư Tôn Giả Ly-bà-đa ngôn。hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。
hỏi Tôn giả Ly-bà-đa rằng: Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi?
尊者離波多言。得無垢女。問佛境界彼非聲聞之所能答。

Tôn Giả Ly-bà-đa ngôn。Đắc Vô Cấu Nữ。vấn Phật cảnh giới bỉ phi thanh văn chi sở năng đáp。
Tôn giả Ly-bà-đa nói: Đắc Vô Cấu Nữ hỏi cảnh giới Phật chẳng phải nơi bậc Thanh văn kia có thể đáp.
得無垢曰。於意云何。如來法界聲聞法界。
Đắc Vô Cấu viết。ư ý vân hà。Như Lai Pháp giới thanh văn Pháp giới。
Đắc Vô Cấu Nữ nói: Ý ngài nghĩ sao, pháp giới Như Lai, Pháp giới Thanh văn,
有別異耶。若異法界則壞法界。
hữu biệt dị da。nhược dị Pháp giới tắc hoại Pháp giới。
có khác biệt chăng? Nếu pháp giới khác nhau tức pháp giới hoại,
若法界壞法界則二。法界不二得言真如。
nhược Pháp giới hoại Pháp giới tắc nhị。Pháp giới bất nhị đắc ngôn chân như。
nếu pháp giới hoại tức có phân biệt pháp giới, pháp giới không hai được gọi là chơn như.
如是真如得言不二。如是真如如是不二。不得言勝。
như thị chân như đắc ngôn bất nhị。như thị chân như như thị bất nhị。bất đắc ngôn thắng。
Như vậy chơn như được gọi là không hai, như thị chơn như, như thị bất nhị, không được nói hơn,
大德何以作如是說。爾時得無垢女。
Đại Đức hà dĩ tác như thị thuyết。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。
vậy đại đức lấy gì để nói như vậy? Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ
問於尊者阿泥樓大言。大德阿泥樓大。
vấn ư Tôn Giả a nê lâu Đại ngôn。Đại Đức a nê lâu Đại。
hỏi Tôn giả A-nê-lâu-đại rằng: Thưa đại đức A-nê-lâu-đại,
佛說大德天眼人中最為第一。大德天眼為有物見為無物見。
Phật thuyết Đại Đức Thiên nhãn nhân trung tối vi đệ nhất。Đại Đức Thiên nhãn vi hữu vật kiến vi vô vật kiến。
Phật nói đại đức Thiên nhãn là đứng đầu trong mọi người, Đại đức Thiên nhãn vì có vật thấy, vì vô vật thấy?
若有物見則墮常見。若無物見則墮斷見。
nhược hữu vật kiến tắc đọa thường kiến。nhược vô vật kiến tắc đọa đoạn kiến。
Nếu có vật thấy tức rơi vào thường kiến, nếu không vật thấy tức rơi vào đoạn kiến.
尊者阿泥樓大。默然不答。
Tôn Giả a nê lâu Đại。mặc nhiên bất đáp。
Tôn giả A-nê-lâu-đại im lặng không đáp.
爾時尊者阿難陀問於尊者阿泥樓大言。何故默然不答女難。
nhĩ thời Tôn Giả A-nan-đà vấn ư Tôn Giả a nê lâu Đại ngôn。hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。
Lúc bấy giờ Tôn giả A-la-hán Nan-đà hỏi Tôn giả A-nê-lâu-đại rằng: Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi?
尊者阿泥樓大言。女懷智慧問。
Tôn Giả a nê lâu Đại ngôn。nữ hoài trí tuệ vấn。
Tôn giả A-nê-lâu-đại nói: Đắc Vô Cấu Nữ hỏi về trí tuệ,
是故我不答。爾時得無垢女。問於尊者阿難陀言。

thị cố ngã bất đáp。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vấn ư Tôn Giả A-nan-đà ngôn。
vì vậy tôi không đáp. Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi Tôn giả A-nan-đà rằng:
大德阿難陀。佛說大德於多聞中最為第一。
Đại Đức A-nan-đà。Phật thuyết Đại Đức ư đa văn trung tối vi đệ nhất。
Thưa đại đức A-nan-đà, đức Phật nói đại đức là người đa văn đệ nhất,
大德何物得言多聞。為有義知。為究竟知。
Đại Đức hà vật đắc ngôn đa văn。vi hữu nghĩa tri。vi cứu cánh tri。
Đại đức vật nào được gọi là đa văn, vì biết có nghĩa? Hay vì biết rốt ráo?
若有義知義無言語。不可言說。非耳識知。彼非可見
nhược hữu nghĩa tri nghĩa vô ngôn ngữ。bất khả ngôn thuyết。phi nhĩ thức tri。bỉ phi khả kiến。
Nếu biết có nghĩa tức nghĩa không lời nói, không thể nói lời, chẳng phải tai nhận biết, kia không thể thấy,
若究竟知。然世尊說當聽於義。
nhược cứu cánh tri。nhiên Thế Tônthuyết đương thính ư nghĩa。
nếu biết rốt ráo, như Thế Tôn nói nên nghe nơi nghĩa,
莫聽文字如是不聽。大德阿難云何多聞。尊者阿難。
mạc thính văn tự như thị bất thính。Đại Đức A-nan vân hà đa văn。Tôn Giả A-nan。
chớ nghe văn tự như vậy là không nghe, đại đức A-nan tại sao nghe nhiều? Tôn giả A-nan-đà
默然不答。爾時文殊師利童子。
mặc nhiên bất đáp。nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Đồng tử。
im lặng không đáp. Lúc bấy giờ đồng tử Văn-thù-sư-lợi
問於尊者阿難陀言。何故默然不答女難。尊者阿難陀言。
vấn ư Tôn Giả A-nan-đà ngôn。hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。Tôn Giả A-nan-đà ngôn。
hỏi Tôn giả A-nan-đà rằng: Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi? Tôn giả A-nan-đà nói:
一切文字性離如響。女問我字故我不答。
nhất thiết văn tự tánh ly như hưởng。nữ vấn ngã tự cố ngã bất đáp。
Tất cả văn tự tánh rời như âm vang của tiếng, Đắc Vô Cấu Nữ hỏi tôi chữ nên tôi không đáp,
女問平等無心離心。此義乃非學人境界。
nữ vấn bình đẳng vô tâm ly tâm。thử nghĩa nãi phi học nhân cảnh giới。
Đắc Vô Cấu Nữ hỏi bình đẳng vô tâm ly tâm, nghĩa này không phải cảnh giới của người học,
云何得說。仁者。當問如來法王。
vân hà đắc thuyết。nhân giả。đương vấn Như Lai Pháp Vương。
làm sao nói được. Ngài nên hỏi đức Như Lai.
爾時得無垢女。問於童子文殊師利言。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vấn ư Đồng tử Văn-thù-sư-lợi ngôn。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi đồng tử Văn-thù-sư-lợi rằng:
文殊師利。佛說仁者善解如來甚深解脫。
Văn-thù-sư-lợi。Phật thuyết nhân giả thiện giải Như Lai thậm thâm giải thoát。
Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, đức Phật nói ngài khéo rõ pháp giải thoát sâu xa của Như Lai,
如是菩薩摩訶薩中最為第一。

như thị Bồ-tát-ma-ha-tát trung tối vi đệ nhất。
như vậy trong các vị Đại Bồ-tát, ngài là người đứng đầu.
彼因緣法云何甚深為深故甚深。為自體甚深。
bỉ nhân duyên Pháp vân hà thậm thâm vi thâm cố thậm thâm。vi tự thể thậm thâm。
Pháp nhân duyên kia tại sao rất sâu xa? Vì sâu xa nên gọi là rất sâu xa? Hay vì tự thể của nó rất sâu xa?
若彼因緣深故甚深。則彼因緣。無人和合。何以故。
nhược bỉ nhân duyên thâm cố thậm thâm。tắc bỉ nhân duyên。vô nhân hòa hợp。hà dĩ cố。
Nếu nhân duyên ấy sâu xa nên gọi là rất sâu xa thì vì nhân duyên ấy nên không người hoà hợp, tại sao vậy?
如是因緣。不去不來非眼識見。乃至非是意識所知。
như thị nhân duyên。bất khứ Bất lai phi nhãn thức kiến。nãi chí phi thị ý thức sở tri。
Vì nhân duyên này không đến không đi, mắt không nhận thấy, cho đến ý cũng không nhận biết.
不二和合因緣而生。若自體甚深彼甚深體。
bất nhị hòa hợp nhân duyên nhi sanh。nhược tự thể thậm thâm bỉ thậm thâm thể。
Hoà hợp không hai do nhân duyên mà sanh, nếu tự thể sâu xa thì sự thâm sâu ấy là thể sâu xa,
則非可示。文殊師利言。實際之義甚深甚深。
tắc phi khả kì。Văn-thù-sư-lợi ngôn。thật tế chi nghĩa thậm thâm thậm thâm。
tức không thể thị hiện. Văn-thù-sư-lợi nói: Nghĩa thực tế rất là sâu xa.
得無垢言。
Đắc Vô Cấu ngôn。
được vô cấu lời。
Đắc Vô Cấu nói,
文殊師利以彼實際非實際故如是。彼智則非是智。文殊師利言。
Văn-thù-sư-lợi dĩ bỉ thật tế phi thật tế cố như thị。bỉ trí tắc phi thị trí。Văn-thù-sư-lợi ngôn。
Văn-thù-sư-lợi lấy thực tế ấy không phải là thực tế nên như vậy, trí ấy tức không phải là trí. Văn-thù-sư-lợi nói:
無有言語得實際者。得無垢言。文殊師利。
vô hữu ngôn ngữ đắc thật tế giả。Đắc Vô Cấu ngôn。Văn-thù-sư-lợi。
Không có lời nói được thực tế. Đắc Vô Cấu Nữ nói: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi,
若無所得則無言語。出過言語故無所得。文殊師利言。
nhược vô sở đắc tắc vô ngôn ngữ。xuất quá ngôn ngữ cố vô sở đắc。Văn-thù-sư-lợi ngôn。
nếu không có chỗ đắc tức không lời nói, ra khỏi lời nói nên không chỗ đắc. Văn-thù-sư-lợi nói:
若爾云何為他人語。得無垢言。文殊師利。
nhược nhĩ vân hà vi tha nhân ngữ。Đắc Vô Cấu ngôn。Văn-thù-sư-lợi。
như vậy làm sao vì người khác nói? Đắc Vô Cấu Nữ nói: Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi,
如來菩提出過言語。彼不可說。文殊師利。

Như Lai Bồ-đề xuất quá ngôn ngữ。bỉ bất khả thuyết。Văn-thù-sư-lợi。
Như Lai Bồ-đề ra khỏi ngôn ngữ, kia không thể nói. Văn-thù-sư-lợi,
默然不言。
mặc nhiên bất ngôn。
im lặng không nói.
爾時得無垢女。問不迷見菩薩言。善男子。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vấn bất mê kiến Bồ-tát ngôn。thiện nam tử。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi Bồ-tát Bất Mê Kiến rằng: Thưa ngài,
如不迷見如是說言我心安住觀察如色。
như bất mê kiến như thị thuyết ngôn ngã tâm an trú quan sát như sắc。
như Ngài nói rằng: Tôi tâm an trụ Quán sát như sắc,
如是若入舍婆提城。何等眾生堪任菩提。
như thị nhược nhập Xá-bà-đề thành。hà đẳng chúng sanh kham nhâm Bồ-đề。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, những chúng sanh nào kham chịu Bồ-đề,
婦女丈夫。若男若女。眼見我者皆見我身如佛身色。
phụ nữ trượng phu。nhược nam nhược nữ。nhãn kiến ngã giả giai kiến ngã thân như Phật thân sắc。
đàn ông đàn bà hoặc nam hoặc nữ, mắt thấy tôi đều thấy thân tôi như sắc thân của Phật.
此事云何。仁者為示如來色身。為示法身。
thử sự vân hà。nhân giả vi kì Như Lai sắc thân。vi kì Pháp thân。
Việc ấy thế nào? Ngài vì thị hiện sắc thân Như Lai hay vì thị hiện pháp thân.
若示色身。彼諸眾生不見佛身。
nhược kì sắc thân。bỉ chư chúng sanh bất kiến Phật thân。
Nếu thị hiện sắc thân thì những chúng sanh kia không thấy thân Phật,
若見佛身則違佛語。佛說偈言。
nhược kiến Phật thân tắc vi Phật ngữ。Phật thuyết kệ ngôn。
nếu thấy thân Phật tức trái lời Phật. Phật có nói kệ rằng:

若以色見我
nhược dĩ sắc kiến ngã
Nếu do sắc thấy Ta,
彼人行邪道
bỉ nhân hành tà đạo
Người ấy hành tà đạo,

若以聲求我
nhược dĩ thanh cầu ngã
Nếu dùng tiếng cầu Ta.
則不能見我
tắc bất năng kiến ngã
Tức không thể thấy Ta.

若示法身。而佛法身非可示現。何以故。
nhược kì Pháp thân。nhi Phật Pháp thân phi khả thị hiện。hà dĩ cố。
Nếu nói pháp thân, mà pháp thân Phật chẳng thể thị hiện. Tại sao vậy?
如來法身出過眼識。彼不能見。不迷見菩薩。
Như Lai Pháp thân xuất quá nhãn thức。bỉ bất năng kiến。bất mê kiến Bồ-tát。
Pháp thân Như Lai ra khỏi tầm nhận biết của mắt, kia không thể thấy. Bồ-tát Bất Mê Kiến
默然不答。爾時寶幢菩薩。問不迷見菩薩言。
mặc nhiên bất đáp。nhĩ thời bảo tràng Bồ-tát。vấn bất mê kiến Bồ-tát ngôn。
im lặng không đáp. Lúc bấy giờ Bồ-tát Bảo Tràng, hỏi Bồ-tát Bất Mê Kiến rằng:
何故默然不答女難。不迷見菩薩言。女問我無物。
hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。bất mê kiến Bồ-tát ngôn。nữ vấn ngã vô vật。

Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi? Bồ-tát Bất Mê Kiến nói: Đắc Vô Cấu Nữ hỏi tôi không vật,
是故我不答。得無垢曰。我非無物問。
thị cố ngã bất đáp。Đắc Vô Cấu viết。ngã phi vô vật vấn。
nên tôi không đáp. Đắc Vô Cấu Nữ nói: Con không hỏi vô vật,
無物不得問。我說學法應如是知。不迷見菩薩。
vô vật bất đắc vấn。ngã thuyết học Pháp ứng như thị tri。bất mê kiến Bồ-tát。
vô vật không được hỏi, con nói học pháp nên biết như vậy. Bồ-tát Bất Mê Kiến
默然不言。
mặc nhiên bất ngôn。
im lặng không nói.
爾時得無垢女。問寶幢菩薩言。善男子。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vấn bảo tràng Bồ-tát ngôn。thiện nam tử。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi ngài Bồ-tát Bảo Tràng rằng: Thưa ngài!
仁如是說。我心安住觀察如色。
nhân như thị thuyết。ngã tâm an trú quan sát như sắc。
ngài nói rằng: Tôi tâm an trụ Quán sát như sắc,
如是若入舍婆提城。一切善寶滿藏悉開。此事云何。
như thị nhược nhập Xá-bà-đề thành。nhất thiết thiện bảo mãn tạng tất khai。thử sự vân hà。
như vậy nếu vào thành Xá-bà-đề, tất cả kho tàng bảo vật đều được mở. Việc ấy thế nào?
仁者如是何所憶念。為當有心希望福德。
nhân giả như thị hà sở ức niệm。vi đương hữu tâm hy vọng phúc đức。
như vậy ngài nhớ niệm điều gì? Do có tâm mong cầu phước đức
為當無心希望福德。若當有心希望福德。
vi đương vô tâm hy vọng phúc đức。nhược đương hữu tâm hy vọng phúc đức。
hay do tâm không mong cầu phước đức? Nếu tâm có mong cầu phước đức,
仁者則與愚癡凡夫等無有異。何以故。
nhân giả tắc dữ ngu si phàm phu đẳng vô hữu dị。hà dĩ cố。
vậy ngài với phàm phu ngu si không có khác, vì sao?
愚癡凡夫皆有希望愛著心故。若當無心希望福德。
ngu si phàm phu giai hữu hy vọng ái trước tâm cố。nhược đương vô tâm hy vọng phúc đức。
Vì phàm phu ngu si đều có tâm mong cầu ái trước, nếu không có tâm mong cầu phước đức,
是則無心希望積聚。寶幢菩薩。默然不答。
thị tắc vô tâm hy vọng tích tụ。bảo tràng Bồ-tát。mặc nhiên bất đáp。
tức không có tâm mong cầu tích lũy. Bồ-tát Bảo Tràng im lặng không đáp.
爾時得無垢女。問除惡菩薩言。善男子。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。vấn trừ ác Bồ-tát ngôn。thiện nam tử。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi ngài Bồ-tát Trừ Ác rằng: Thưa ngài Bồ-tát Trừ Ác,
仁如是說我心安住觀察如色。
nhân như thị thuyết ngã tâm an trú quan sát như sắc。
ngài nói rằng tôi tâm an trú Quán sát như sắc,
如是若入舍婆提城。若彼眾生有惡業行應受報者。

như thị nhược nhập Xá-bà-đề thành。nhược bỉ chúng sanh hữu ác nghiệp hành ứng thọ báo giả。
nếu vào thành Xá-bà-đề, nếu chúng sanh tạo nghiệp ác nên thọ quả báo,
彼見法故。現世輕受。此事云何。
bỉ kiến Pháp cố。hiện thế khinh thọ。thử sự vân hà。
chúng sanh đó thấy pháp, thì đời này được giảm nhẹ. Việc đó thế nào?
如佛所說業不思議。仁說不能違佛所言。若仁不能思議業者。
như Phật sở thuyết nghiệp bất tư nghị。nhân thuyết bất năng vi Phật sở ngôn。nhược nhân bất năng tư nghị nghiệp giả。
Như đức Phật nói nghiệp không nghĩ bàn, ngài không thể nói trái lời Phật. Nếu ngài không thể nghĩ bàn về nghiệp,
云何得知未來重業。現世輕受。
vân hà đắc tri vị lai trọng nghiệp。hiện thế khinh thọ。
thì làm sao biết được nghiệp nặng ở đời vị lai, đời nay giảm nhẹ,
一切諸法皆空無主。仁今云何。言得法王。
nhất thiết chư Pháp giai không vô chủ。nhân kim vân hà。ngôn đắc Pháp Vương。
tất cả các pháp đều Không, không có chủ thể, sao nay ngài nói chứng đắc Pháp Vương.
若仁能令重業作輕則違佛語。除惡菩薩言。
nhược nhân năng linh trọng nghiệp tác khinh tắc vi Phật ngữ。trừ ác Bồ-tát ngôn。
Nếu ngài có thể khiến nghiệp nặng trở thành nhẹ tức là trái với lời Phật? Bồ-tát Trừ Ác nói:
我以願力能令如是重受之業作輕受業。得無垢曰。
ngã dĩ nguyện lực năng linh như thị trọng thọ chi nghiệp tác khinh thọ nghiệp。Đắc Vô Cấu viết。
Tôi dùng sức chú nguyện khiến cho người thọ nghiệp nặng trở thành thọ nghiệp nhẹ. Đắc Vô Cấu Nữ nói:
無有人能願力迴輪。若能轉者。
vô hữu nhân năng nguyện lực hồi luân。nhược năng chuyển giả。
Không có người có thể có nguyện lực làm chuyển đổi, nếu có thể chuyển đổi,
一一如來本皆有願。一切眾生。我皆悉令得大涅槃。
nhất nhất Như Lai bổn giai hữu nguyện。nhất thiết chúng sanh。ngã giai tất linh đắc Đại Niết-bàn。
thì sao tất cả các Như Lai từ trước đến nay đều có nguyện: tất cả chúng sanh, ta đều khiến cho chứng đắc Niết-bàn,
非願力成此門。應知如是願力不能迴轉。
phi nguyện lực thành thử môn。ứng tri như thị nguyện lực bất năng hồi chuyển。
chẳng phải nguyện lực thành tựu được pháp môn này. Vậy nên biết rằng nguyện lực không thể thay đổi được!
除惡菩薩。默然不言。爾時得無垢女。
trừ ác Bồ-tát。mặc nhiên bất ngôn。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。
Bồ-tát Trừ Ác im lặng không nói. Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ hỏi
問障一切罪菩薩言。善男子。仁如是說。我心安住觀察如色。
vấn chướng nhất thiết tội Bồ-tát ngôn。thiện nam tử。nhân như thị thuyết。ngã tâm an trú quan sát như sắc。

Bồ-tát Chướng Nhất Thiết Tội rằng: Thưa ngài Chướng Nhất Thiết Tội! Ngài nói rằng: Tôi tâm an trú Quán sát như sắc,
如是若入舍婆提城。一切人民五蓋不障。
như thị nhược nhập Xá-bà-đề thành。nhất thiết nhân dân ngũ cái bất chướng。
nếu vào thành Xá-bà-đề, tất cả nhân dân không bị ngăn ngại bởi năm triền cái.
此事云何。若仁禪定。能令眾生諸蓋不障。
thử sự vân hà。nhược nhân Thiền định。năng linh chúng sanh chư cái bất chướng。
Việc ấy thế nào? Nếu ngài thiền định, có thể khiến cho các chúng sanh không bị ngăn ngại bởi năm triền cái,
一切諸法皆空無主。
nhất thiết chư Pháp giai không vô chủ。
tất cả các pháp đều Không, không chủ thể.
如是仁不是仁我不是我。云何能與他人作恩。障一切罪菩薩言。
như thị nhân bất thị nhân ngã bất thị ngã。vân hà năng dữ tha nhân tác ân。chướng nhất thiết tội Bồ-tát ngôn。
Như vậy lúc đó Ngài không phải là Ngài, tôi không phải là tôi, làm sao cùng người khác thọ ân? Bồ-tát nói:
先修慈心。得無垢言。一切諸佛大慈心行。
tiên tu từ tâm。Đắc Vô Cấu ngôn。nhất thiết chư Phật Đại từ tâm hành。
Trước hết phải tu từ tâm. Đắc Vô Cấu Nữ nói: Tất cả chư Phật đều thực hành tâm Đại từ.
有佛土中諸眾生等。蓋縛所惱。
hữu Phật thổ trung chư chúng sanh đẳng。cái phược sở não。
Tất cả chúng sanh trong quốc độ của Phật vẫn bị che lấp, bị trói buộc bởi phiền não.
障一切罪菩薩。默然不言。爾時得無垢女。
chướng nhất thiết tội Bồ-tát。mặc nhiên bất ngôn。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。
Bồ-tát Chướng Nhất Thiết Tội im lặng không nói. Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ
問於聖者觀世自在菩薩言。善男子。仁如是說。
vấn ư Thánh giả quán thế tự tại Bồ-tát ngôn。thiện nam tử。nhân như thị thuyết。
hỏi Bồ-tát Quán Thế Tự Tại rằng: Thưa Ngài Quán Tự Tại! Ngài nói rằng:
我心安住觀察如色。如是若入舍婆提城。
ngã tâm an trú quan sát như sắc。như thị nhược nhập Xá-bà-đề thành。
Tôi tâm an trú Quán sát như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề,
隨何眾生繫縛執掌。欲被殺者即得解脫。
tùy hà chúng sanh hệ phọc chấp chưởng。dục bị sát giả tức đắc giải thoát。
chúng sanh nào bị trói buộc dẫn dắt sắp bị giết liền được giải thoát,
無有怖畏得無所畏。此事云何。仁為取修。為不取修。
vô hữu bố úy đắc vô sở úy。thử sự vân hà。nhân vi thủ tu。vi bất thủ tu。
không có sợ sệt chứng đắc không sợ sệt, việc này thế nào? Ngài do chấp thủ mà tu hay không chấp thủ mà tu?
若取修者。愚癡人取是則不可。若不取修。
nhược thủ tu giả。ngu si nhân thủ thị tắc bất khả。nhược bất thủ tu。
Nếu chấp thủ mà tu, là người ngu si chấp thủ tức không thể được. Nếu không chấp thủ mà tu,
則非無常。若非無常則不可取。觀世自在菩薩。

tắc phi vô thường。nhược phi vô thường tắc bất khả thủ。quán thế tự tại Bồ-tát。
tức chẳng phải là vô thường, nếu không phải vô thường tức không thể chấp thủ. Bồ-tát Quán Thế Tự Tại
默然不答。爾時辯聚菩薩。問觀世自在菩薩言。
mặc nhiên bất đáp。nhĩ thời biện tụ Bồ-tát。vấn quán thế tự tại Bồ-tát ngôn。
im lặng không đáp. Lúc bấy giờ Bồ-tát Biện Tụ hỏi Bồ-tát Quán Thế Tự Tại rằng:
何故默然不答女難。觀世自在菩薩言。
hà cố mặc nhiên bất đáp nữ nan。quán thế tự tại Bồ-tát ngôn。
Tại sao ngài im lặng không đáp lời của Đắc Vô Cấu Nữ hỏi? Bồ-tát Quán Thế Tự Tại nói:
女不問我生法。不問我滅法。問我不生不滅法。
nữ bất vấn ngã sanh Pháp。bất vấn ngã diệt Pháp。vấn ngã bất sanh bất diệt Pháp。
Đắc Vô Cấu Nữ không hỏi tôi pháp sanh diệt, mà hỏi tôi pháp không sanh không diệt,
是故我不答。得無垢曰。觀世自在。
thị cố ngã bất đáp。Đắc Vô Cấu viết。quán thế tự tại。
nên tôi không đáp. Đắc Vô Cấu Nữ nói: Thưa ngài Quán Thế Tự Tại!
仁何不問何處不生不滅。觀世自在菩薩言。
nhân hà bất vấn hà xử bất sanh bất diệt。quán thế tự tại Bồ-tát ngôn。
Sao Ngài không hỏi nơi nào không sanh không diệt? Bồ-tát Quán Thế Tự Tại nói rằng:
得無垢女。何處不生不滅。無少字轉行。得無垢曰。
Đắc Vô Cấu Nữ。hà xử bất sanh bất diệt。vô thiểu tự chuyển hành。Đắc Vô Cấu viết。
Này Đắc Vô Cấu Nữ nơi nào không sanh không diệt thì không thể dùng ngôn ngữ chuyển tải. Đắc Vô Cấu Nữ nói:
若不轉行。則一切法無有少字。
nhược bất chuyển hành。tắc nhất thiết Pháp vô hữu thiểu tự。
Nếu không thể chuyển tải, tức là tất cả các pháp không có văn tự,
非黠慧人字轉行說。不著名字。法界無障礙。故彼心不著。
phi hiệt tuệ nhân tự chuyển hành thuyết。bất trước danh tự。Pháp giới Vô chướng ngại。cố bỉ tâm bất trước。
không người thông tuệ nào nói văn tự có thể chuyển tải, không chấp vào chư nghĩa, pháp giới không chướng ngại, nên người kia tâm không chấp trước.
觀世自在菩薩默然不言。爾時得無垢女。
quán thế tự tại Bồ-tát mặc nhiên bất ngôn。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。
Bồ-tát Quán Thế Tự Tại im lặng không nói. Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ
問辯聚菩薩言。善男子。仁如是說。我心安住。
vấn biện tụ Bồ-tát ngôn。thiện nam tử。nhân như thị thuyết。ngã tâm an trú。
hỏi Bồ-tát Biện Tụ rằng: Thưa Ngài Biện tụ! Ngài nói rằng: Tôi tâm an trú
觀察如色。如是若入舍婆提城。
quan sát như sắc。như thị nhược nhập Xá-bà-đề thành。
Quán sát như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề,
何等惡心眾生。慈心相向遞共讚詠。音聲語說皆得辯才。

hà đẳng ác tâm chúng sanh。từ tâm tướng hướng đệ cộng tán vịnh。âm thanh ngữ thuyết giai đắc biện tài。
thì những chúng sanh nào có ác tâm, khởi từ tâm hướng đến cùng nhau ca ngợi tán thán âm thanh, lời nói đều được biện tài.
此事云何。仁此辯才起。為有因緣起。
thử sự vân hà。nhân thử biện tài khởi。vi hữu nhân duyên khởi。
Việc ấy thế nào? Ngài khởi biện tài ấy là do nhân duyên khởi,
為無因緣起。若有因緣起。一切無常皆因緣起。
vi vô nhân duyên khởi。nhược hữu nhân duyên khởi。nhất thiết vô thường giai nhân duyên khởi。
hay không do nhân duyên mà khởi? Nếu do nhân duyên khởi, thời tất cả vô thường đều do nhân duyên khởi.
若如是者不得寂靜。若無因緣起。
nhược như thị giả bất đắc tịch tĩnh。nhược vô nhân duyên khởi。
Nếu vậy thì không được tịch tĩnh. Nếu không do nhân duyên khởi,
如是無實則不得言有辯才起。辯聚菩薩言。
như thị vô thật tắc bất đắc ngôn hữu biện tài khởi。biện tụ Bồ-tát ngôn。
vậy là không thật tức không được nói có khởi biện tài. Bồ-tát Biện Tụ nói:
我從初發菩提心來。常作是願。
ngã tùng sơ phát Bồ-đề tâm lai。thường tác thị nguyện。
Ta từ khi mới phát tâm đến nay, thường có nguyện
若諸眾生得見我者皆得辯才。得無垢曰。善男子。仁為有心辯才。
nhược chư chúng sanh đắc kiến ngã giả giai đắc biện tài。Đắc Vô Cấu viết。thiện nam tử。nhân vi hữu tâm biện tài。
"nếu những chúng sanh nào được thấy Ta đều đặng biện tài". Đắc Vô Cấu Nữ nói: Thưa Ngài Biện Tụ! Ngài vì có tâm biện tài
為無心辯才。若有心辯才則墮常過。
vi vô tâm biện tài。nhược hữu tâm biện tài tắc đọa thường quá。
hay vì không có tâm biện tài? Nếu có tâm biện tài tức rơi vào lỗi chấp thường,
若無心辯才。彼諸言語仁云何說仁不實語。
nhược vô tâm biện tài。bỉ chư ngôn ngữ nhân vân hà thuyết nhân bất thật ngữ。
nếu không có tâm biện tài, thì những lời nói kia Ngài làm sao nói, vậy lời Ngài không thật.
辯聚菩薩。默然不言。爾時得無垢女。
biện tụ Bồ-tát。mặc nhiên bất ngôn。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ。
Bồ-tát Biện Tụ im lặng không nói. Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ
問不迷行菩薩言。善男子。仁如是說。我心安住觀察如色。
vấn bất mê hành Bồ-tát ngôn。thiện nam tử。nhân như thị thuyết。ngã tâm an trú quan sát như sắc。
hỏi Ngài Bồ-tát Bất Mê Hạnh rằng: Thưa Ngài Bất Mê Hạnh! Ngài nói rằng: Tôi tâm an trú Quán sát như sắc,
如是若入舍婆提城。隨何眾生。眼見我者。
như thị nhược nhập Xá-bà-đề thành。tùy hà chúng sanh。nhãn kiến ngã giả。
nếu vào thành Xá-bà-đề, tuỳ theo những chúng sanh nào, mắt nhìn thấy Tôi,
一切不退阿耨多羅三藐三菩提。此事云何。
nhất thiết bất thối a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。thử sự vân hà。

tất cả không thối chuyển với quả vị Vô thượng Chánh Đẳng Giác. Việc ấy thế nào?
何者菩提。彼菩提者。為有為無。若言有者。
hà giả Bồ-đề。bỉ Bồ-đề giả。vi hữu vi vô。nhược ngôn hữu giả。
Sao là Bồ-đề, Bồ-đề ấy là có hay là không? Nếu nói có
仁則著常。不迷行菩薩曰。言菩提者。
nhân tắc trước thường。bất mê hành Bồ-tát viết。ngôn Bồ-đề giả。
tức Ngài chấp vào thường? Bồ-tát Bất Mê Hạnh nói: Cái gọi là Bồ-đề ấy
智者言語說言菩提。得無垢曰。彼智云何。為當生體。
trí giả ngôn ngữ thuyết ngôn Bồ-đề。Đắc Vô Cấu viết。bỉ trí vân hà。vi đương sanh thể。
lời của bậc trí nói là Bồ-đề. Đắc Vô Cấu Nữ nói: Trí ấy như thế nào? Do thể sanh,
為寂靜體。若彼生體生皆無常。
vi tịch tĩnh thể。nhược bỉ sanh thể sanh giai vô thường。
hay do thể tịch tĩnh. Nếu do thể sanh, mà sanh đều vô thường,
若皆無常則不正念。若皆無常是正念者。
nhược giai vô thường tắc bất chánh niệm。nhược giai vô thường thị chánh niệm giả。
nếu đều vô thường tức không chánh niệm. Nếu đều vô thường mà chánh niệm,
一切癡人皆應正念。若寂靜體彼無所得。
nhất thiết si nhân giai ứng chánh niệm。nhược tịch tĩnh thể bỉ vô sở đắc。
thì tất cả người ngu si đều chánh niệm. Nếu thể tịch tĩnh thì không chỗ đắc,
若無所得彼不分別。此或佛說。或菩薩說。或阿羅漢說。
nhược vô sở đắc bỉ bất phân biệt。thử hoặc Phật thuyết。hoặc Bồ-tát thuyết。hoặc A La Hán thuyết。
nếu không chỗ đắc thì không phân biệt. Ấy là Phật nói, hoặc Bồ-tát nói, hoặc A-la-hán nói,
或凡夫說。何以故。菩提道者則無分別。
hoặc phàm phu thuyết。hà dĩ cố。Bồ-đề đạo giả tắc vô phân biệt。
hoặc phàm phu nói. Vì Sao? Vì Bồ-đề là không phân biệt.
愚癡凡夫則有分別。有分別者非是黠慧。
ngu si phàm phu tắc hữu phân biệt。hữu phân biệt giả phi thị hiệt tuệ。
Phàm phu ngu si có phân biệt, có phân biệt tức không phải là bậc thông tuệ.
不迷行菩薩。默然不言。
bất mê hành Bồ-tát。mặc nhiên bất ngôn。
Bồ-tát Bất Mê im lặng không nói.
爾時。尊者須菩提等諸大聲聞。彼諸菩薩。
nhĩ thời。Tôn Giả Tu-bồ-đề đẳng chư Đại thanh văn。bỉ chư Bồ-tát。
Lúc này, Tôn giả Tu-bồ-đề... cùng với các vị đại Thanh văn và các vị Bồ-tát,
如是說言。我今迴還。
như thị thuyết ngôn。ngã kim hồi hoàn。
nói rằng: Nay chúng ta trở về,
不須入彼舍婆提城而行乞食。何以故。朝日已得妙好法食。即爾滿足。
bất tu nhập bỉ Xá-bà-đề thành nhi hành khất thực。hà dĩ cố。triêu nhật dĩ đắc diệu hảo Pháp thực。tức nhĩ mãn túc。

không nên vào thành Xá-bà-đề mà khất thực. Vì sao? Vì sáng nay đã được Pháp thực quý giá, rất là đầy đủ,
我既從彼得無垢女聞勝妙法。
ngã ký tùng bỉ Đắc Vô Cấu Nữ văn thắng diệu Pháp。
chúng ta đã theo Đắc Vô Cấu Nữ kia nghe Pháp vi diệu,
我於朝日得法食足。爾時得無垢女語尊者須菩提言。
ngã ư triêu nhật đắc Pháp thực túc。nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ ngữ Tôn Giả Tu-bồ-đề ngôn。
sáng nay chúng ta được đầy đủ Pháp thực. Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ thưa với Tôn giả Tu-bồ-đề rằng:
大德須菩提。不取不捨是聲聞法。
Đại Đức Tu-bồ-đề。bất thủ bất xả thị thanh văn Pháp。
Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Không giữ không bỏ là pháp của hàng Thanh văn,
仁等今者為何所求。何所憶念。大德須菩提。
nhân đẳng kim giả vi hà sở cầu。hà sở ức niệm。Đại Đức Tu-bồ-đề。
vậy nay các Ngài lấy gì để cầu, nhớ niệm chỗ nào? Thưa Đại đức Tu-bồ-đề!
無戲論者是聲聞法。若著戲論非聲聞法。大德須菩提。
vô hí luận giả thị thanh văn Pháp。nhược trước hí luận phi thanh văn Pháp。Đại Đức Tu-bồ-đề。
Không hí luận là pháp của hàng Thanh văn, nếu chấp vào hí luận thời chẳng phải là pháp của hàng Thanh văn. Thưa Đại đức Tu-bồ-đề!
無依止者是聲聞法。聖人境界非是依止。
vô y chỉ giả thị thanh văn Pháp。Thánh nhân cảnh giới phi thị y chỉ。
Không nương dựa là pháp của hàng Thanh văn, cảnh giới của bậc Thánh không phải là nương tựa,
非依止著不發動搖。
phi y chỉ trước bất phát động dao。
không nương tựa chấp trước không phát khởi dao động.
爾時彼大聲聞彼諸菩薩。
nhĩ thời bỉ Đại thanh văn bỉ chư Bồ-tát。
Lúc bấy các vị Đại Thanh văn, các vị Bồ-tát
及彼五百諸婆羅門。得無垢女。憍薩羅國波斯匿王。
cập bỉ ngũ bách chư Bà-la-môn。Đắc Vô Cấu Nữ。kiêu tát la quốc Ba-tư-nặc Vương。
và năm trăm Bà-la-môn, Đắc Vô Cấu Nữ, Vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la
并諸侍從無量人眾。皆悉往詣祇陀樹林給孤獨園。
tinh chư thị tùng vô lượng nhân chúng。giai tất vãng nghệ kì đà thụ lâm Cấp cô độc viên。
cùng với rất nhiều người hầu không kể hết, đều đi đến rừng Kỳ-đà vườn Cấp-cô-độc,
到世尊所。頭面禮足。圍遶三匝於一面坐。
đáo Thế Tônsở。đầu diện lễ túc。vi nhiễu tam tạp ư nhất diện tọa。
đến nơi đức Thế Tôn, đảnh lễ sát đất, nhiễu quanh ba vòng rồi ngồi sang một bên.
得無垢女遶佛千匝遶千匝已。
Đắc Vô Cấu Nữ nhiễu Phật thiên tạp nhiễu thiên tạp dĩ。
Đắc Vô Cấu Nữ nhiễu quanh đức Phật một nghìn vòng, nhiễu xong,
右膝著地合掌向佛。以妙聲偈問如來曰。
hữu tất trước địa hợp chưởng hướng Phật。dĩ diệu thanh kệ vấn Như Lai viết。

quỳ xuống đất phía bên phải chấp tay hướng về đức Phật, dùng kệ hỏi Như Lai rằng:

我今問善逝
ngã kim vấn thiện thệ
Nay con hỏi Thiện Thệ,

無量無垢名
vô lượng vô cấu danh
Bậc không còn phiền não,

能以甘露法
năng dĩ cam lộ Pháp
Thường dùng pháp cam lồ,

云何菩薩行
vân hà Bồ-tát hành
Thế nào hạnh Bồ-tát,

破壞魔王軍
phá hoại ma Vương quân
Phá tan loài ma vương,

云何動大地
vân hà động Đại địa
Thế nào động Đại địa,

云何放光明
vân hà phóng quang minh
Thế nào phóng quang minh,

說菩提法行
thuyết Bồ-đề Pháp hành
Nói pháp hạnh Bồ-đề,

云何菩薩行
vân hà Bồ-tát hành nhi
Làm sao hạnh Bồ-tát,

云何修寂靜
vân hà tu tịch tĩnh
Thế nào tu tịch tĩnh,

云何神通力
vân hà Thần thông lực
Thế nào sức thần thông,

眾生中勝行
chúng sanh trung thắng hành
Trong chúng sanh Thắng hạnh,

云何得淨辯
vân hà đắc tịnh biện
Làm sao được tịnh biện,

云何諸菩薩
vân hà chư Bồ-tát
Tại sao các Bồ-tát,

云何大丈夫
vân hà Đại trượng phu
Tại sao đại trượng phu,

得無垢天眼
Đắc Vô Cấu Thiên nhãn
Đặng Thiên nhãn vô cấu,

大神通光明
Đại Thần thông quang minh
Đại Thần thông chiếu sáng,

云何念檀捨

無上無等智
vô thượng vô đẳng trí
Bậc Trí tuệ vô thượng.

三界之尊主
tam giới chi tôn chủ
Bậc giáo chủ ba cõi.

慈愛令人得
từ ái linh nhân đắc
Thương yêu khiến người được.

能坐樹王下
năng tọa thụ Vương hạ
Hay ngồi cội Bồ-đề.

成無上菩提
thành vô thượng Bồ-đề
Thành Vô thượng Bồ-đề.

乃至動龍宮
nãi chí động long cung
Cho đến động Long cung.

普照無量處
phổ chiếu vô lượng xử
Chiếu khắp vô lượng xứ.

云何得總持
vân hà đắc tổng trì
Làm sao đắc Tổng trì.

而能得佛財
năng đắc Phật tài
Mà chứng đắc Phật tài.

第一三摩提
đệ nhất tam ma đề
Tam-ma-đề bậc nhất.

丈夫云何說
trượng phu vân hà thuyết
Trượng phu làm sao nói.

得何等意行
đắc hà đẳng ý hành
Ý chứng đắc những gì.

同合淨美語
đồng hợp tịnh mỹ ngữ
Cùng với lời trong sạch.

而得善眷屬
nhi đắc thiện quyến thuộc
Mà có bà con tốt.

而得宿命智
nhi đắc túc mạng trí
Mà đặng Túc mệnh trí.

天耳他心智
Thiên nhĩ tha tâm trí
Thiên nhĩ Tha tâm thông.

行無量世界
hành vô lượng thế giới
Khắp vô lượng thế giới.

戒淨常行忍

vân hà niệm đàn xả
Làm sao niệm Đàn xả,
云何精進禪
vân hà tinh tấn Thiền
Làm sao tinh tấn Thiền,
云何常遠離
vân hà thường viễn li
Làm sao thường viễn ly,
更不受胎生
canh bất thọ thai sanh
Nhưng không thọ thai sanh,
云何佛前住
vân hà Phật tiền trụ
Làm sao ở trước Phật,
云何愛不愛
vân hà ái bất ái bỉ
Làm sao thích, không thích,
滅一切染惡
diệt nhất thiết nhiễm ác
Diệt tất cả ác nhiễm,
世間法不動
thế gian Pháp bất động
Pháp thế gian bất động,
得失及毀譽
đắc thất cập hủy dự
Được mất và khen chê,
此世間諸法
thử thế gian chư Pháp
Các pháp thế gian ấy,
無主不諂誑
vô chủ bất siểm cuống
Không chủ động, cuồng bậy,
捨離自高心
xả ly tự cao tâm
Lìa bỏ tâm tự cao,
寂靜勝寂靜
tịch tĩnh thắng tịch tĩnh
Tâm luôn luôn tịch tĩnh,
第一智慧人
đệ nhất trí tuệ nhân
Người trí tuệ bậc nhất,
不愛妻子財
bất ái thê tử tài
Không thích vợ, con, tiền
定愛猶如鳥
định ái do như điểu
Thích định giống như chim,
其心既如是
kỳ tâm ký như thị
Tâm ấy đã như vậy,
云何有智人
vân hà hữu trí nhân
Làm sao có người trí,
不動云何常
giới tịnh thường hành nhẫn
Giới tịnh thường hành nhẫn.
云何行般若
vân hà hành bát nhã
Làm sao hành Bát-nhã.
胎藏生宿處
thai tạng sanh tú xử
Thai tạng sanh nơi đời.
過化生彼岸
quá hóa sanh bỉ ngạn
Mà hoá sanh bỉ ngạn.
口說無我空
khẩu thuyết vô ngã không
Miệng nói Vô ngã, Không.
彼二心平等
nhị tâm bình đẳng
Hai tâm ấy bình đẳng.
心堅不高下
tâm kiên bất cao hạ
Tâm không có cao thấp.
猶如須彌山
do như Tu Di sơn
Giống như núi Tu di.
稱譏苦樂等
xưng ky khổ lạc đẳng
Trách nói khổ vui thảy.
云何過如月
vân hà quá như nguyệt
Sao được như mặt trăng.
無染云何慢
vô nhiễm vân hà mạn
Không nhiễm, sao ngã mạn.
無有如是意
vô hữu như thị ý
Không có ý phân biệt.
不捨奢摩他
bất xả xa ma tha
Không xả bỏ Thiền định.
云何得有縛
vân hà đắc hữu phược
Làm sao bị trói buộc.
云何而得有
vân hà nhi đắc hữu
Làm sao bị vướng mắc.
常如月無異
thường như nguyệt vô dị
Như mặt trăng không khác.
云何有法愛
vân hà hữu Pháp ái
Làm sao có pháp thích.
如地水火風
như địa thủy hỏa phong
Như địa thuỷ hỏa phong.
愛平等如空

bất động vân hà thường
Không động làm sao thường,
云何不捨法
vân hà bất xả Pháp
làm sao không xả pháp,
寧自捨身命
ninh tự xả thân mạng
Thà bỏ thân mạng mình,
云何住菩提
vân hà trụ Bồ-đề
Làm sao trú Bồ-đề,
眾生中醫想
chúng sanh trung y tưởng
Thầy thuốc trong chúng sanh,
云何住淨僧
vân hà trụ tịnh tăng
Làm sao trú Tịnh Tăng,
三世法云何
tam thế Pháp vân hà
Thế nào pháp ba đời,
云何愛滅壞
vân hà ái diệt hoại
Làm sao thích hoại diệt,
云何戒具足
vân hà giới cụ túc
Làm sao đầy đủ giới,
令安住菩提
linh an trú Bồ-đề
Khiến an trú Bồ-đề,
誰能得端正
thùy năng đắc đoan chánh
Ai có thể đoan chánh,
云何大富樂
vân hà Đại phú lạc
Làm sao giàu vui lớn,
一切智道行
nhất thiết trí đạo hành
Hành đạo Nhất thiết trí,
得三十二相
đắc tam thập nhị tướng
Đặng ba mươi hai tướng,
一切善福德
nhất thiết thiện phúc đức
Tất cả phước đức tốt,
云何有淨僧
vân hà hữu tịnh tăng
Làm sao có Tịnh Tăng,
何處有此願
hà xử hữu thử nguyện
Nơi nào có nguyện ấy,
宿命云何有
tú mạng vân hà hữu
Túc mạng làm sao có,
於千億劫中
ái bình đẳng như không
Thích bình đẳng như không.
常不捨佛法
thường bất xả Phật Pháp
Thường không bỏ Phật pháp.
不捨第一法
bất xả đệ nhất Pháp
Không bỏ pháp Tối thượng.
證無塵垢法
chứng vô trần cấu Pháp
Chứng pháp Vô trần cấu,
佛國土莊嚴
Phật quốc thổ trang nghiêm
Để trang nghiêm cõi Phật.
僧云何有
tịnh tăng vân hà hữu
Tịnh Tăng làm sao có,
聞有眾生樂
văn hữu chúng sanh lạc
Nghe chúng sanh vui.
見四諦羅漢
kiến tứ đế la hán
Thấy Tứ đế La-hán.
云何百眾生
vân hà bách chúng sanh
Làm sao trăm chúng sanh,
行有常愛著
hạnh hữu thường ái trước
Hạnh Hữu thường đắm trước.
何誰有化生
hà thùy hữu hóa sanh
Người nào có hoá sanh.
云何大智慧
vân hà Đại trí tuệ
Làm sao trí tuệ lớn.
何誰能具足
hà thùy năng cụ túc
Người nào có đầy đủ.
八十種妙好
bát thập chủng diệu hảo
Và tám mươi vẽ đẹp.
無斯辯才生
vô tư biện tài sanh
Không ngoài biện tài sanh.
比丘受具足
Tỷ kheo thọ cụ túc
Tỳ-kheo thọ Cụ-túc.
云何百有生
vân hà bách hữu sanh
Làm sao trăm chúng sanh.
常與佛和合
thường dữ Phật hòa hợp
Luôn cùng Phật hoà hợp.
不作惡行善

ư thiên ức kiếp trung
Ở trong nghìn ức kiếp,
心不著端正
tâm bất trước đoan chánh
Tâm đoan chánh không chấp,
力精進忍辱
lực tinh tấn nhẫn nhục
Sức tinh tán nhẫn nhục,
云何歸依佛
vân hà quy y Phật
Làm sao quy y Phật,
自捨於身命
tự xả ư thân mạng
Tự bỏ thân mạng mình,
云何諸眾生
vân hà chư chúng sanh
Làm sao những chúng sanh,
一切悔放捨
nhất thiết hối phóng xả
Xả bỏ tâm hối tiếc,
不是少許癡
bất thị thiểu hứa si
Không phải ít chút si,
若行法眾生
nhược hành Pháp chúng sanh
Nếu hành pháp chúng sanh,
bất tác ác hành thiện
Làm thiện không làm ác.
云何有醫師
vân hà hữu y sư
Làm sao có Y sư.
云何而有勝
vân hà nhi hữu thắng
Làm sao được thù thắng.
歸依於法僧
quy y ư Pháp tăng
Quy y ở Pháp Tăng.
不是捨佛法
bất thị xả Phật Pháp
Không phải bỏ Phật pháp.
淨行菩提行
tịnh hạnh Bồ-đề hành
Thanh tịnh hạnh Bồ-đề.
為眾生說法
vi chúng sanh thuyết Pháp
Vì chúng sanh thuyết pháp.
一切知大寂
nhất thiết tri Đại tịch
Tất cả biết Đại tịch.
次第得授記
thứ đệ đắc thọ kí
Lần lượt được thọ ký.

得無垢女。如是說已。世尊即告得無垢言。

Đắc Vô Cấu Nữ. như thị thuyết dĩ. Thế Tôntức cáo Đắc Vô Cấu ngôn.
Đắc Vô Cấu Nữ nói như vậy xong, đức Thế Tôn liền nói với Đắc Vô Cấu Nữ rằng:

善哉善哉。得無垢女。汝甚善哉。

Thiện tai Thiện tai. Đắc Vô Cấu Nữ. nhữ thậm Thiện tai.
Hay thay! Hay thay! Đắc Vô Cấu Nữ, ngươi thật khéo thay!

汝今善能問於如來如是之義。汝今諦聽善思念之。

nhữ kim thiện năng vấn ư Như Lai như thị chi nghĩa. nhữ kim đế thính thiện tư niệm chi.
Nay ngươi có thể khéo hỏi Như Lai nghĩa như vậy. Ngươi hãy lắng nghe mà nhớ lấy,

我為汝說。得無垢言。善哉世尊。願樂欲聞。

ngã vi nhữ thuyết. Đắc Vô Cấu ngôn. Thiện tai Thế tôn. nguyện lạc dục văn.
Ta vì ngươi mà nói. Đắc Vô Cấu Nữ thưa: Bạch Thế tôn! nguyện xin muốn nghe.

佛即告言。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。

Phật tức cáo ngôn. Đắc Vô Cấu Nữ. chư Bồ-tát-ma-ha-tát.
Đức Phật nói: Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát

成就四法能壞魔王。何等為四。一者供養他人心不嫉妒。

thành tựu tứ Pháp năng hoại ma Vương. hà đẳng vi tứ. nhất giả cúng dường tha nhân tâm bất tật đố.
thành tựu bốn pháp có thể hoại diệt ma vương. Những gì là bốn? Một là cúng dường người khác tâm không đố kỵ,

二者捨離惡語。三者常生多人善根。

nhị giả xả ly ác ngữ. tam giả thường sanh đa nhân thiện căn.

hai là rời xa lời ác, ba là thường làm cho nhiều người sanh thiện căn,
四者無盡修慈。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
tứ giả vô tận tu từ。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
bốn là không ngừng tu từ tâm. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法。能壞魔王。爾時世尊而說偈言。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp。năng hoại ma Vương。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
nếu có thể thành tựu được bốn pháp như vậy, thì có thể phá hoại được Ma vương. Lúc ấy Thế Tôn nói kệ rằng:

心莫懷嫉妒
tâm mạc hoài tật đố
Chớ ôm lòng đố kỵ,

口勿說惡言
khẩu vật thuyết ác ngôn
Miệng chớ nói lời ác.

教多人行善
giáo đa nhân hành thiện
Dạy nhiều người làm thiện,

不盡修慈心
bất tận tu từ tâm
Không ngừng tu từ tâm.

菩薩能修行
Bồ-tát năng tu hành
Bồ-tát siêng tu hành,

如是四種法
như thị tứ chủng Pháp
Bốn loại pháp như vậy.

十方破魔王
thập phương phá ma Vương
Phá Ma vương mười phương,

證無上菩提
chứng vô thượng Bồ-đề
Chứng Vô thượng Bồ-đề

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。成就四法。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。thành tựu tứ Pháp。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát, thành tựu bốn pháp này,
能動無量諸佛世界。何等為四。一者如說而行。
năng động vô lượng chư Phật thế giới。hà đẳng vi tứ。nhất giả như thuyết nhi hành。
có thể làm chấn động vô lượng thế giới của chư Phật. Thế nào là bốn? Một là thực hành như lời nói.
二者信甚深法。三者堅固教化。
nhị giả tín thậm thâm Pháp。tam giả kiên cố giáo hóa。
Hai là tin vào pháp sâu xa. Ba là giáo hoá không mệt mỏi.
四者能教多人菩提。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
tứ giả năng giáo đa nhân Bồ-đề。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Bốn là luôn dạy đạo Bồ-đề cho nhiều người. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法。能動無量諸佛世界。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp。năng động vô lượng chư Phật thế giới。
nếu có thể thành tựu bốn pháp này, thì có thể làm chấn động vô lượng thế giới của chư Phật.
爾時世尊而說偈言。
nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

能如說而行
năng như thuyết nhi hành
Thực hành theo lời nói,

知甚深法忍
tri thậm thâm Pháp nhẫn
Biết nhẫn, pháp thâm sâu.

欲得白淨法
dục đắc bạch tịnh Pháp
Muốn chứng Bạch tịnh pháp,

堅固教化人
kiên cố giáo hóa nhân
Kiên cố giáo hoá người.

常為多人說
無上菩提道

thường vi đa nhân thuyết
Thường vì người nói pháp,
智人如是法
trí nhân như thị Pháp
Pháp người trí như vậy,
得無垢女。諸菩薩摩訶薩。成就四法。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。thành tựu tứ Pháp。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát, thành tựa bốn pháp này,
能放光明普照無量諸佛世界。何等為四。
năng phóng quang minh phổ chiếu vô lượng chư Phật thế giới。hà đẳng vi tứ。
có thể phóng ánh sáng chiếu khắp vô lượng thế giới chư Phật. Thế nào là bốn?
一者施佛燈明。二者守護正法。
nhất giả thí Phật đăng minh。nhị giả thủ hộ chánh Pháp。
Một là dùng đèn sáng cúng dường Phật. Hai là giữ gìn chánh pháp.
三者能入八難惡眾生中而為說法。四者以寶羅網覆如來塔。
tam giả năng nhập bát nan ác chúng sanh trung nhi vi thuyết Pháp。tứ giả dĩ bảo la võng phúc Như Lai tháp。
Ba là có thể vào trong tám nạn nơi chúng sanh ác, vì họ mà thuyết pháp.
Bốn là dùng lưới quý báu mà che trùm tháp của Như Lai.
得無垢女。諸菩薩摩訶薩。若能成就如是四法。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát, nếu có thể thành tựu bốn pháp như vậy,
能放光明普照無量諸佛世界。
năng phóng quang minh phổ chiếu vô lượng chư Phật thế giới。
thời có thể phóng ánh sáng chiếu khắp vô lượng thế giới của chư Phật.
爾時世尊而說偈言。
nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói kệ rằng:

以燈明施佛
dĩ đăng minh thí Phật
Dùng đèn cúng dường Phật,
則得淨光明
tắc đắc tịnh quang minh
Được ánh sáng thanh tịnh.

能守護正法
năng thủ hộ chánh Pháp
Có thể giữ chánh pháp,
如正法受持
như chánh Pháp thọ trì
Như chánh pháp thọ trì.

為放逸之人
vi phóng dật chi nhân
Vì người tâm phóng dật,
說不放逸法
thuyết bất phóng dật Pháp
Nói pháp không phóng dật.

以妙寶羅網
dĩ diệu bảo la võng
Dùng lưới quý vi diệu,
覆於如來塔
phúc ư Như Lai tháp
Che trùm tháp Như Lai.

如是諸菩薩
như thị chư Bồ-tát
Như vậy các Bồ-tát,
放光照世界
phóng quang chiếu thế giới
Phóng ánh sáng khắp cõi.

遍不可思議
biến bất khả tư nghị
Biến hoá không thể bàn
億世界中行
ức thế giới trung hành
Đi khắp ức thế giới.

此光觸眾生
thử quang xúc chúng sanh
Ánh sáng soi chúng sanh,
遇者皆得樂
ngộ giả giai đắc lạc
Người ngu đều vui vẻ.

發心求菩提
phát tâm cầu Bồ-đề
無上大智慧
vô thượng Đại trí tuệ

Phát tâm cầu Bồ-đề, Đại trí tuệ Vô thượng.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。

Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。

Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát

成就四法得陀羅尼。何等為四。一者種種布施。

thành tựu tứ Pháp đắc Đà La Ni。hà đẳng vi tứ。nhất giả chủng chủng bố thí。

thành tựu bốn pháp này, đặng Đà la ni. Thế nào là bốn? Một là bố thí các loại.

二者莊嚴女人與來求者。三者讚歎如來功德。

nhị giả trang nghiêm nữ nhân dữ lai cầu giả。tam giả tán thán Như Lai công đức。

Hai là trang nghiêm người nữ cũng như người đến cầu xin. Ba là khen ngợi tán thán công đức của Như Lai.

四者多行般若。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。

tứ giả đa hành bát nhã。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。

Bốn là thực hành nhiều hạnh Bát-nhã. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,

若能成就如是四法得陀羅尼。爾時世尊而說偈言。

nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp đắc Đà La Ni。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。

nếu có thể thành tựu bốn pháp như vậy thời đặng Đà-la-ni. Lúc ấy đức Thế Tôn nói lời kệ rằng:

修行種種施 則得陀羅尼
tu hành chủng chủng thí tắc đắc Đà La Ni
Tu hạnh các bố thí, Thời đặng Đà-la-ni.

種種莊嚴女 以施來求者
chủng chủng trang nghiêm nữ dĩ thí lai cầu giả
Vật trang sức người nữ, Đem bố thí người xin.

常讚佛功德 修行佛般若
thường tán Phật công đức tu hành Phật bát nhã
Tán thán công đức Phật, Tu hành Bát-nhã Phật.

行如是四法 彼得陀羅尼
hành như thị tứ Pháp bỉ đắc Đà La Ni
Thực hành bốn pháp này, Người đặng Đà la ni.

能於百千劫 聞持而不失
năng ư bách thiên kiếp văn trì nhi bất thất
Có thể trăm nghìn kiếp, Nghe thọ trì không mất.

十方佛說法 憶念力能取
thập phương Phật thuyết Pháp ức niệm lực năng thủ
Mười phương Phật thuyết pháp, Sức nhớ có thể giữ.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。

Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。

Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,

成就四法則得三昧。何等為四。一者常說有為多苦。

thành tựu tứ Pháp tắc đắc tam muội。hà đẳng vi tứ。nhất giả thường thuyết hữu vi đa khổ。

Thành tựu bốn pháp này, thời được Pháp tam-muội. Thế nào là bốn? Một là thường nói hữu vi là nhiều khổ?

二者樂獨無侶。三者發勤精進。四者究竟善業。

nhị giả lạc độc vô lữ。tam giả phát tinh cần tinh tấn。tứ giả cứu cánh thiện nghiệp。

Hai là thích độc hạnh, không bạn bè. Ba là phát khởi tinh cần siêng năng. Bốn là rốt ráo làm thiện nghiệp.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。

Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。

Đắc Vô Cấu Nữ các vị Đại Bồ-tát,

若能成就如是四法則得三昧。爾時世尊而說偈言。

nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp tắc đắc tam muội。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。

nếu thành tựu được bốn pháp này, thời đặng tam-muội. Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

說有為多苦
thuyết hữu vi đa khổ
Nói hữu vi là khổ,

樂獨行如犀
lạc độc hạnh như tê
Thích độc hạnh, tê giác.

勤進常有智
cần tiến thường hữu trí
Siêng năng phát sinh trí,

究竟行善業
cứu cánh hành thiện nghiệp
Rốt ráo hành nghiệp thiện.

行如是四法
hành như thị tứ Pháp
Thực hành bốn pháp này,

求於菩提行
cầu ư Bồ-đề hành
Cầu ở hạnh Bồ-đề.

得寂靜三昧
đắc tịch tĩnh tam muội
Đặng tam-muội tịch tĩnh,

速覺佛菩提
tốc giác Phật Bồ-đề
Nhanh ngộ Phật Bồ-đề.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。

Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。

Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,

成就四法得神通力。何等為四。一者身輕。二者心輕。

thành tựu tứ Pháp đắc Thần thông lực。hà đẳng vi tứ。nhất giả thân khinh。nhị giả tâm khinh。

thành tựu bốn pháp này, thì đặng thần thông lực. Thế nào là bốn? Một là xem nhẹ thân. hai là xem nhẹ tâm.

三者受持一切佛法。四者四界空界平等受持。

tam giả thọ trì nhất thiết Phật Pháp。tứ giả tứ giới không giới bình đẳng thọ trì。

Ba là thọ trì tất cả Phật pháp. Bốn là thọ trì bình đẳng bốn giới, không giới điều.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。

Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。

Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,

若能成就如是四法得神通力。爾時世尊而說偈言。

nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp đắc Thần thông lực。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。

nếu có thể thành tựu bốn pháp ấy, thời đặng sức Thần thông. Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

身輕如心輕
thân khinh như tâm khinh
Xem nhẹ thân như tâm,

法中無依止
Pháp trung vô y chỉ
Không nương tựa ở pháp.

空界我無量
không giới ngã vô lượng
Không giới ta không so lường,

四界等受持
tứ giới đẳng thọ trì
Bốn giới bình đẳng giữ.

思量此四法
tư lượng thử tứ Pháp

得無量神通
đắc vô lượng Thần thông

Suy tư bốn pháp này,
以此三昧力
dĩ thử tam muội lực
Sử dụng sức Tam muội,
一念普周遍
nhất niệm phổ châu biến
Một niệm biến mười phương,
Đặng vô lượng Thần thông.
行一切世界
hành nhất thiết thế giới
Đi khắp các thế giới.
見多千億佛
kiến đa thiên ức Phật
Thấy được nghìn ức Phật.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
成就四法端正殊特。何等為四。一者不瞋。二者掃如來塔。
thành tựu tứ Pháp đoan chánh thù đặc。hà đẳng vi tứ。nhất giả bất sân。nhị giả tảo Như Lai tháp。
thành tựu bốn pháp này, thời đặng đoan chánh thù thắng. Thế nào là bốn? Một là không sân giận. Hai là quét tháp của Như Lai,
障惡風雨。作已歡喜。三者戒淨具足護持。
chướng ác phong vũ。tác dĩ hoan hỉ。tam giả giới tịnh cụ túc hộ trì。
ngăn che không cho mưa gió làm bẩn, làm một cách vui vẽ. Ba là hộ trì giới thanh tịnh đầy đủ.
四者常一切時先意問訊。見諸法器不欲破壞。
tứ giả thường nhất thiết thời tiên ý vấn tấn。kiến chư Pháp khí bất dục phá hoại。
Bốn là trong mọi lúc luôn phải kiểm soát ý, thấy các pháp khí không muốn phá hoại,
心如金剛。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
tâm như Kim cương。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
tâm như kim cương. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法端正殊特。爾時世尊而說偈言。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp đoan chánh thù đặc。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
nếu thành tựu được pháp ấy, thời được đoan chánh thù thắng. Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

於他無瞋垢
ư tha vô sân cấu
Không sân giận với người,
障佛塔風雨
chướng Phật tháp phong vũ
Ngăn mưa gió tháp Phật.
淨掃治莊嚴
tịnh tảo trì trang nghiêm
Quét sạch, giữ trang nghiêm,
常恭敬供養
thường cung kính cúng dường
Luôn cung kính cúng dường.
淨戒常護持
tịnh giới thường hộ trì
Thường trì giới thanh tịnh,
常先意問訊
thường tiên ý vấn tấn
Trước tiên thường giữ ý.
盡心於法器
tận tâm ư Pháp khí
Hết lòng nơi pháp khí,
如金剛須彌
như Kim cương Tu Di
Như Kim cương và Tu-di.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。成就四法。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。thành tựu tứ Pháp。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát, thành tựu bốn pháp này,
是故化生常在佛所。何等為四。
thị cố hóa sanh thường tại Phật sở。hà đẳng vi tứ。
cho nên thường hoá sanh nơi chỗ Phật. Những gì là bốn?
一者作蓮華坐如來之像。二者滿掬憂鉢羅華。拘物頭華。

nhất giả tác liên hoa tọa Như Lai chi tượng。nhị giả mãn cúc ưu bát la hoa。câu vật đầu hoa。
Một là ngồi kiết-già như hình tượng Như Lai. Hai là chất đầy hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu,
分陀利華。或散佛身。或散浮圖。
phân đà lợi hoa。hoặc tán Phật thân。hoặc tán phù đồ。
hoa Phân-đà-lợi hoặc rãi trên thân Phật hoặc rãi khắp cõi Phật.
三者安樂有多信才。於持戒人。心不破壞一切善根。
tam giả an lạc hữu đa tín tài。ư trì giới nhân。tâm bất phá hoại nhất thiết thiện căn。
Ba là vui vẻ có nhiều niềm tin nơi người trì giới, tâm không phá hoại các thiện căn.
四者願與一切眾生安樂令得佛道。得無垢女。
tứ giả nguyện dữ nhất thiết chúng sanh an lạc linh đắc Phật đạo。Đắc Vô Cấu Nữ。
Bốn là nguyện cùng chung vui với nhiều chúng sanh làm cho họ chứng đắc Phật đạo. Đắc Vô Cấu Nữ,
諸菩薩摩訶薩。若能成就如是四法。
chư Bồ-tát-ma-ha-tát。nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp。
các vị Đại Bồ-tát, nếu có thể thành tựu bốn pháp này
是故化生常在佛所。爾時世尊而說偈言。
thị cố hóa sanh thường tại Phật sở。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
cho nên thường hoá sanh nơi chỗ Phật. Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

作勝蓮華坐
tác thắng liên hoa tọa
Tư thế ngồi kiết già,
如來之形像
Như Lai chi hình tượng
Như hình tượng Như Lai.

水華滿掬施
thủy hoa mãn cúc thí
Đầy hoa nước bố thí,
為利益他人
vi lợi ích tha nhân
Vì lợi ích người khác.

於他不惡說
ư tha bất ác thuyết
Không nói ác với người,
不取他惡說
bất thủ tha ác thuyết
Không nói ác lỗi người.

念十方眾生
niệm thập phương chúng sanh
Nghĩ chúng sanh mười phương,
願與安隱樂
nguyện dữ an ổn lạc
Nguyện an ổn vui vẻ.

修行如是等
tu hành như thị đẳng
Tu hành như vậy đó
四種勝功德
tứ chủng thắng công đức
Bốn công đức thù thắng.

是故得化生
thị cố đắc hóa sanh
Nên lúc được hoá sanh,
常在於佛所
thường tại ư Phật sở
Thường ở chỗ đức Phật.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
成就四法得大富樂。何等為四。一者平等心施。二者施不望報。
thành tựu tứ Pháp đắc Đại phú lạc。hà đẳng vi tứ。nhất giả bình đẳng tâm thí。nhị giả thí bất vọng báo。
thành tựu bốn pháp này thời được an vui giàu có. Những gì là bốn? Một là tâm bình đẳng bố thí. Hai là bố thí không mong báo đáp.
三者心開多信。四者能知眾生心行。
tam giả tâm khai đa tín。tứ giả năng tri chúng sanh tâm hành。

Ba là tâm mở nhiều niềm tin. Bốn là có thể biết tâm hạnh của chúng sanh.
得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法得大富樂。爾時世尊而說偈言。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp đắc Đại phú lạc。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
nếu có thể thành tựu bốn pháp ấy thời đặng an vui giàu có. Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

平等心施與　　所有皆不悋
bình đẳng tâm thí dữ　　sở hữu giai bất lận
Tâm bình đẳng bố thí,　　Của có đều không tiếc.

深信佛智慧　　數得大富樂
thâm tín Phật trí tuệ　　số đắc Đại phú lạc
Tin sâu trí huệ Phật,　　Luôn được giàu có lớn.

有信不諂誑　　不取惡他人
hữu tín bất siểm cuống　　bất thủ ác tha nhân
Có tin không dối nịnh,　　Không chấp người khác ác.

信法正直見　　彼得善富樂
tín Pháp chánh trực kiến　　bỉ đắc thiện phú lạc
Tin pháp thấy ngay thẳng,　　Kia được thiện phú lạc.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
成就四法得大智慧。何等為四。一者於法不生嫉妒。
thành tựu tứ Pháp đắc Đại trí tuệ。hà đẳng vi tứ。nhất giả ư Pháp bất sanh tật đố。
thành tựu bốn pháp này thời được Trí tuệ lớn. Những gì là bốn? Một là ở nơi pháp không sanh lòng đố kỵ.
二者能除他人疑悔。三者如聞而說。四者多修空行。
nhị giả năng trừ tha nhân nghi hối。tam giả như văn nhi thuyết。tứ giả đa tu không hành。
Hai là có thể trừ nghi hối cho người khác. Ba là như chỗ nghe mà nói. Bốn là tu nhiều hạnh Không.
得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法得大智慧。爾時世尊而說偈言。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp đắc Đại trí tuệ。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
nếu thành tựu bốn pháp ấy thời được đại Trí tuệ. Lúc ấy đức Phật nói kệ rằng:

智人不懷嫉　　能除他疑悔
trí nhân bất hoài tật　　năng trừ tha nghi hối
Người trí không đố kỵ　　Trừ nghi hối người khác.

如所聞而說　　說如來行空
như sở văn nhi thuyết　　thuyết Như Lai hạnh không
Như chỗ nghe mà nói,　　Nói hạnh Không Như Lai.

行如是四法　　如來所隨喜
hành như thị tứ Pháp　　Như Lai sở tùy hỉ
Hành bốn pháp như vậy,　　Nơi Như Lai tuỳ hỉ.

如佛教而學
như Phật giáo nhi học
Như Phật dạy mà hoc,
得佛二足尊
đắc Phật nhị túc tôn
Được Nhị túc tôn Phật.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,

成就四法得宿命智。何等為四。一者能為久忘法者說應聞法。
thành tựu tứ Pháp đắc tú mạng trí。hà đẳng vi tứ。nhất giả năng vi cửu vong Pháp giả thuyết ứng văn Pháp。
thành tựu bốn pháp này thời đặng Túc mạng trí. Những gì là bốn? Một là có thể vì người nhớ lâu mà nói nên nghe pháp.

令得憶念不忘句義。
linh đắc ức niệm bất vong cú nghĩa。
khiến được nhớ niệm không quên nghĩa cú.

二者令他信欲所謂語說。令他歡喜。為他說法。
nhị giả linh tha tín dục sở vị ngữ thuyết。linh tha hoan hỉ。vi tha thuyết Pháp。
Hai là khiến cho người khác ham muốn niềm tin nên cái gọi là lời nói phải làm cho người khác vui vẻ, vi người khác nói pháp.

三者欲令出離有為諸苦入於涅槃。四者知幻三昧與願相應。
tam giả dục linh xuất ly hữu vi chư khổ nhập ư Niết-bàn。tứ giả tri huyễn tam muội dữ nguyện tướng ứng。
Ba là muốn khiến cho ra khỏi các khổ của hữu vi mà vào nơi Niết-bàn. Bốn là biết Huyễn nguyện cùng tương ứng với tam muội.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。若能成就如是四法。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát, nếu thành tựu được bốn pháp như vậy,

得宿命智。爾時世尊而說偈言。
đắc tú mạng trí。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
thời đặng Túc mệnh trí. Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

久讀誦忘者
cửu độc tụng vong giả
Người đọc tụng nhớ lâu,
教示令憶念
giáo kì linh ức niệm
Dạy bảo khiến nhớ niệm.

常說樂聞語
thường thuyết lạc văn ngữ
Thường nói lời dễ nghe
不倦為他說
bất quyện vi tha thuyết
Vì người nói không mệt.

令出有為苦
linh xuất hữu vi khổ
Khiến ra khổ hữu vi,
捨相修三昧
xả tướng tu tam muội
Xả tướng tu tam muội.

行如是四法
hành như thị tứ Pháp
Thực hành bốn pháp ấy,
得宿命大人
đắc tú mạng Đại nhân
Chứng được Túc mệnh minh.

億無量千劫
ức vô lượng thiên kiếp
Vô lượng nghìn ức kiếp,
速成第一醫
tốc thành đệ nhất y
Nhanh chống thành Y vương.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,

成就四法常親近佛。何等為四。一者乃至失命因緣不捨佛法。

thành tựu tứ Pháp thường thân cận Phật。hà đẳng vi tứ。nhất giả nãi chí thất mạng nhân duyên bất xả Phật Pháp。
thành tựu bốn pháp này thời được gần gủi với Phật. Những gì là bốn? Một là cho đến vì những nguyên nhân làm mất mạng cũng không bỏ Phật pháp.
二者乃至失命因緣。終不稱說法師罪過。
nhị giả nãi chí thất mạng nhân duyên。chung bất xưng thuyết Pháp sư tội quá。
hai cho đến mất mạng nhân duyên。hết chẳng xưng thuyết Pháp sư tội vượt。
Hai là cho đến vì những nguyên nhân làm cho mất mạng cũng hoàn toàn không nói lỗi của pháp sư.
三者乃至失命因緣。終不親近不善知識。
tam giả nãi chí thất mạng nhân duyên。chung bất thân cận bất thiện tri thức。
Ba là cho đến vì những nguyên nhân làm cho mất mạng, cũng hoàn toàn không gần gủi với ác tri thức.
四者常修念佛三昧。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
tứ giả thường tu niệm Phật tam muội。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Bốn là thường tu Niệm Phật tam-muội. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法常親近佛。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp thường thân cận Phật。
có thể thành tựu bốn pháp như vậy, thời luôn gần gủi với Phật.
爾時世尊而說偈言。
nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc ấy đức Phật nói kệ rằng:

常不捨佛道
thường bất xả Phật đạo
Thường không rời Phật đạo,
不毀謗法師
bất hủy thệ Pháp sư
Không chê mắng Pháp sư.

不近惡知識
bất cận ác tri thức
Không gần ác tri thức,
常勤心念佛
thường cần tâm niệm Phật
Tâm thường siêng niệm Phật.

行如是四法
hành như thị tứ Pháp
Hành bốn pháp như vậy,
得親近如來
đắc thân cận Như Lai
Được gần gủi Như Lai.

在在所生處
tại tại sở sanh xử
Ở nơi thường đã sanh,
彼處常有佛
bỉ xử thường hữu Phật
Chỗ ấy luôn có Phật.

乃至未證得
nãi chí vị chứng đắc
Cho đến chưa chứng đắc,
無上菩提道
vô thượng Bồ-đề đạo
Đạo vô thượng Bồ-đề.

一切所生處
nhất thiết sở sanh xứ
Tất cả nơi sanh xứ,
常得親近佛
thường đắc thân cận Phật
Thường được gần gủi Phật.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。成就四法。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。thành tựu tứ Pháp。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát, thành tựu bốn pháp này,
得三十二大丈夫相。何等為四。一者把金散佛。
đắc tam thập nhị Đại trượng phu tướng。hà đẳng vi tứ。nhất giả bả kim tán Phật。
thời được ba mươi hai tướng của bậc Đại trượng phu. Những gì là bốn? Một là nắm vàng rãi trên Phật,
或散浮圖。二者常以香油塗如來塔。

hoặc tán phù đồ。nhị giả thường dĩ hương du đồ Như Lai tháp。
hoặc rãi trên Phù đồ. Hai là thường dùng dầu thơm rưới trên tháp Như Lai.
三者種種華香伎樂布施。四者眷屬相隨。
tam giả chủng chủng hoa hương kĩ nhạc bố thí。tứ giả quyến thuộc tướng tùy。
Ba là dùng các loại hương hoa, kỹ nhạc mà bố thí. Bốn là đem theo bà con,
供養和上阿闍梨等。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
cúng dường hòa thượng A xà Lê đẳng。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
cúng dường Hoà thượng, A-xà-lê...
Đắc Vô Cấu Nữ! các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法。得三十二大丈夫相。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp。đắc tam thập nhị Đại trượng phu tướng。
có thể thành tựu bốn pháp như vậy thời được ba mươi hai tướng của bậc Đại trượng phu.
爾時世尊而說偈言。
nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

把金散浮圖
bả kim tán phù đồ
Nắm vàng rãi trên Phật,
施以香華樂
thí dĩ hương hoa lạc
Bố thí hương, hoa, nhạc,
行如是四法
hành như thị tứ Pháp
Hành bốn pháp như vậy,
端正甚奇妙
đoan chánh thậm kì diệu
Đẹp đẽ rất lạ thường,
此法有妙相
thử Pháp hữu diệu tướng
Pháp ấy có tướng đẹp,

香油塗佛塔
hương du đồ Phật tháp
Dầu thơm rới tháp Phật.
敬心供養師
kính tâm cúng dường sư
Kính tâm cúng dường Thầy.
得三十二相
đắc tam thập nhị tướng
Được ba mươi hai tướng.
一切功德具
nhất thiết công đức cụ
Các công đức đầy đủ.
佛第一智慧
Phật đệ nhất trí tuệ
Phật trí tuệ bậc nhất.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát
成就四法得八十好。何等為四。一者種種妙衣莊嚴法坐。
thành tựu tứ Pháp đắc bát thập hảo。hà đẳng vi tứ。nhất giả chủng chủng diệu y trang nghiêm Pháp tọa。
thành tựu bốn pháp này thời được tám mươi vẽ đẹp. Những gì là bốn? Một là dùng các thứ vãi đẹp để trang nghiêm pháp toạ.
二者供養他人心不生倦。
nhị giả cúng dường tha nhân tâm bất sanh quyện。
Hai là cúng dường người khác tâm không sanh mỏi mệt.
三者於法師所不作鬪亂。四者教諸眾生佛菩提行。得無垢女。
tam giả ư Pháp sư sở bất tác đấu loạn。tứ giả giáo chư chúng sanh Phật Bồ-đề hành。Đắc Vô Cấu Nữ。
Ba là ở nơi chỗ Pháp sư không tranh đấu làm loạn. Bốn là dạy cho chúng sanh thực hành hạnh Phật Bồ-đề. Đắc Vô Cấu Nữ,
諸菩薩摩訶薩。若能成就如是四法得八十好。

chư Bồ-tát-ma-ha-tát。nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp đắc bát thập hảo。
các vị Đại Bồ-tát, có thể thành tựu bốn pháp như vậy thời được tám mươi vẽ đẹp.
爾時世尊而說偈言。
nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

妙衣嚴法坐
diệu y nghiêm Pháp tọa
Diệu y phủ Pháp tòa
供養他不倦
cúng dường tha bất quyện
Cúng dường không biết mệt.

教眾生菩提
giáo chúng sanh Bồ-đề
Dạy chúng sanh Bồ-đề,
易得八十好
dịch đắc bát thập hảo
Nhanh được tám mươi tướng.

菩薩修行此
Bồ-tát tu hành thử
Bồ-tát tu hạnh này,
四種功德故
tứ chủng công đức cố
Bốn loại công đức ấy.

常於一切時
thường ư nhất thiết thời
Thường ở tất cả thời,
有勝相莊嚴
hữu thắng tướng trang nghiêm
Tướng trang nghiêm thù thắng.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
成就四法得淨辯才。何等為四。一者持菩薩藏。
thành tựu tứ Pháp đắc tịnh biện tài。hà đẳng vi tứ。nhất giả trì Bồ-tát tạng。
thành tựu bốn pháp này thì chứng Tịnh biện tài. Những gì là bốn? Một là nắm giữ Bồ-tát tạng.
二者晝夜讀誦三聚法門。三者為他人說離因緣法。
nhị giả trú dạ độc tụng tam tụ Pháp môn。tam giả vi tha nhân thuyết ly nhân duyên Pháp。
Hai là ngày đêm tụng đọc pháp môm Tam tụ. Ba là vì người khác nói lìa xa pháp nhân duyên,
以佛菩提不生不滅離因緣故。四者歡喜受持。
dĩ Phật Bồ-đề bất sanh bất diệt ly nhân duyên cố。tứ giả hoan hỉ thọ trì。
dùng pháp Phật Bồ-đề không sanh không diệt để rời xa pháp nhân duyên. Bốn là vui vẻ thọ trì,
不惜身命及以財寶。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
bất tích thân mạng cập dĩ tài bảo。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
không tiếc thân mạng và của cải quý báu. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法得淨辯才。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp đắc tịnh biện tài。
có thể thành tựu bốn pháp như vậy thời được Tịnh biện tài.
爾時世尊而說偈言。
nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

晝夜常讀誦
trú dạ thường độc tụng
Ngày đêm thường tụng đọc,
堅持菩薩藏
kiên trì Bồ-tát tạng
Bền giữ Bồ-tát tạng.

諸世間相違
chư thế gian tướng vi
Lìa các tướng thế gian,
受持此佛法
thọ trì thử Phật Pháp
Thọ trì Phật pháp này.

不惜身命財
bất tích thân mạng tài
Không tiếc tài và mạng
惜彼菩提道
tích bỉ Bồ-đề đạo
Tiếc đạo Bồ-đề thôi.
行如是四法
hành như thị tứ Pháp
Hành bốn pháp như vậy,
得辯才增長
đắc biện tài tăng trường
Được biện tài lớn mạnh.
如著種種鬘
như trước chủng chủng man
Như những mái tóc mượt,
他人見者喜
tha nhân kiến giả hỉ
Người khác thấy đều vui.
一切諸世間
nhất thiết chư thế gian
Tất cả các thế gian,
人天等眾生
nhân Thiên đẳng chúng sanh
Người, trời và chúng sanh.
見彼菩薩者
kiến bỉ Bồ-tát giả
Thấy đạo Bồ-đề ấy,
歡喜亦如是
hoan hỉ diệc như thị
Vui vẽ cũng như thế.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, Các vị Đại Bồ-tát,
成就四法得淨佛土。何等為四。一者於他不嫉。二者等心自他。
thành tựu tứ Pháp đắc tịnh Phật thổ。hà đẳng vi tứ。nhất giả ư tha bất tật。nhị giả đẳng tâm tự tha。
thành tựu bốn pháp này thời được tịnh cõi Phật. Những gì là bốn? Một là không tật đố ở nơi người khác. Hai là tâm bình đẳng giữa mình và người.
三者見諸眾生心常歡喜。
tam giả kiến chư chúng sanh tâm thường hoan hỉ。
Ba là thấy các chúng sanh tâm thường vui vẻ.
四者不親諸惡眷屬。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
tứ giả bất thân chư ác quyến thuộc。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Bốn là không thân cận với những bà con xấu. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法。得淨佛土。爾時世尊。而說偈言。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp。đắc tịnh Phật thổ。nhĩ thời Thế tôn。nhi thuyết kệ ngôn。
nếu có thể thành tựu bốn pháp như vậy thời được thanh tịnh cõi Phật. Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:
心不懷嫉妒
tâm bất hoài tật đố
Không ôm lòng đố kỵ,
不取他人利
bất thủ tha nhân lợi
Không chấp lợi người khác.
見眾生歡喜
kiến chúng sanh hoan hỉ
Thấy chúng sanh vui vẻ,
等心於一切
đẳng tâm ư nhất thiết
Tâm bình đẳng tất cả.
不伴惡眷屬
bất bạn ác quyến thuộc
Không bạn bà con xấu,
如是等四法
như thị đẳng tứ Pháp
Như vậy thảy bốn pháp.
具足修行者
cụ túc tu hành giả đắc
Người tu hành đầy đủ,
得清淨佛土
thanh tịnh Phật thổ
Được thanh tịnh cõi Phật.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
成就四法得僧具足。何等為四。一者不念他人眷屬。

thành tựu tứ Pháp đắc tăng cụ túc。hà đẳng vi tứ。nhất giả bất niệm tha nhân quyến thuộc。
thành tựu bốn pháp này thời được Tăng cụ túc. Những gì là bốn? Một là không nghĩ bà con người khác.
二者和合破壞眷屬。
nhị giả hòa hợp phá hoại quyến thuộc。
Hai là hoà hợp bà con phá hoại.
三者於說法處受持讀誦為他人說。四者捨離惡語。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
tam giả ư thuyết Pháp xử thọ trì độc tụng vi tha nhân thuyết。tứ giả xả ly ác ngữ。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Ba là ở nơi chỗ nói pháp thọ trì đọc tụng vì người khác nói. Bốn là từ bỏ những lời nói xấu. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法得僧具足。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp đắc tăng cụ túc。
nếu thành tựu bốn pháp như vậy thời được Tăng cụ túc.
爾時世尊而說偈言。
nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

不念他眷屬
bất niệm tha quyến thuộc
Không nghĩ bà con người,
和合破壞者
hòa hợp phá hoại giả
Hoà hợp người phá hoại.

說法處教人
thuyết Pháp xử giáo nhân
Nơi thuyết pháp dạy người,
不說破壞語
bất thuyết phá hoại ngữ
Không nói lời phá hoại.

行如是四法
hành như thị tứ Pháp
Thực hành bốn pháp ấy,
得第一淨僧
đắc đệ nhất tịnh tăng
Được Tăng tịnh bậc nhất.

欲得淨僧者
dục đắc tịnh tăng giả
Muốn được bậc Tăng tịnh,
黠慧修此法
hiệt tuệ tu thử Pháp
Sáng suốt tu pháp ấy.

得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
成就四法隨心所願生佛國土。何等為四。
thành tựu tứ Pháp tùy tâm sở nguyện sanh Phật quốc thổ。hà đẳng vi tứ。
thành tựu bốn pháp này thời tuỳ sở nguyện của tâm mà được sanh quốc độ của Phật. Những gì là bốn?
一者於他親友心不生嫉。二者常求六波羅蜜欲令滿足。
nhất giả ư tha thân hữu tâm bất sanh tật。nhị giả thường cầu lục ba la mật dục linh mãn túc。
Một là ở người khác có bạn thân tâm không sanh đố kỵ. Hai là thường cầu sáu ba-la-mật muốn làm cho đầy đủ.
三者心信清淨堅固。四者於諸菩薩常起師想。
tam giả tâm tín thanh tịnh kiên cố。tứ giả ư chư Bồ-tát thường khởi sư tưởng。
Ba là tâm tin vào sự thanh tịnh bền chắc. Bốn là ở nơi các vị Bồ-tát thường khởi tưởng là bậc Thầy,
乃至初發菩提心者。皆生師想而供養之。
nãi chí sơ phát Bồ-đề tâm giả。giai sanh sư tưởng nhi cúng dường chi。
cho đến mới phát Bồ-đề tâm cũng đều tưởng là bậc Thầy mà cúng dường,

而不偏著親友因緣。得無垢女。諸菩薩摩訶薩。
nhi bất Thiên trước thân hữu nhân duyên。Đắc Vô Cấu Nữ。chư Bồ-tát-ma-ha-tát。
không thiên chấp về nhân duyên bạn thân. Đắc Vô Cấu Nữ, các vị Đại Bồ-tát,
若能成就如是四法。隨其所願生佛國土。
nhược năng thành tựu như thị tứ Pháp。tùy kỳ sở nguyện sanh Phật quốc thổ。
nếu thành tựu được bốn pháp như vậy thời tuỳ nơi sở nguyện của tâm mà được sanh cõi phật.
爾時世尊而說偈言。
nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

不嫉他利養
bất tật tha lợi dưỡng
Không ghen lợi dưỡng người,

求波羅蜜善
cầu ba la mật thiện
Khéo cầu Ba-la-mật.

常淨堅固心
thường tịnh kiên cố tâm
Tâm thường tịnh vững bền,

於菩薩師想
ư Bồ-tát sư tưởng
Bồ-tát nghĩ Sư Trưởng.

不諂求樂緣
bất siểm cầu lạc duyên
Không nịnh cầu, vui duyên,

欲令親得樂
dục linh thân đắc lạc
Muốn làm người được vui.

常修此功德
thường tu thử công đức
Thường tu công đức ấy,

速得近如來
tốc đắc cận Như Lai
Nhanh chống gần gủi Phật.

隨心之所願
tùy tâm chi sở nguyện
Tuỳ sở nguyện của tâm,

得生佛世界
đắc sanh Phật thế giới
Được sanh thế giới Phật.

既生彼世界
ký sanh bỉ thế giới
Đã vào thế giới Phật,

隨憶念皆得
tùy ức niệm giai đắc
Theo nhớ tưởng đều được.

爾時得無垢女白佛言。世尊。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Nữ bạch Phật ngôn。Thế tôn。
Lúc bấy giờ Đắc Vô Cấu Nữ bạch đức Phật rằng: Bạch Thế tôn,
如佛為我所說法門。若我不信不取此法不修不行。
như Phật vi ngã sở thuyết Pháp môn。nhược ngã bất tín bất thủ thử Pháp bất tu bất hành。
Như Ngài vì con mà nói pháp môn, nếu con không tin không giữ pháp môn ấy không tu không hành
是則破壞一切十方。於今現在現命現住。諸佛世尊。
thị tắc phá hoại nhất thiết thập phương。ư kim hiện tại hiện mạng hiện trụ。chư Phật Thế tôn。
tức là phá hoại tất cả hiện mạng và hiện mười phương chư Phật Thế Tôn đang có.
爾時尊者大目犍連。語得無垢。作如是言。
nhĩ thời Tôn Giả Đại Mục-kiền-liên。ngữ Đắc Vô Cấu。tác như thị ngôn。
Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Đắc Vô Cấu Nữ nói rằng:
汝甚希有。若如是說菩提難得。
nhữ thậm hi hữu。nhược như thị thuyết Bồ-đề nan đắc。
Ngươi rất là hiếm có, nếu nói rằng Bồ-đề khó được,
彼菩提行難得修行。女能修行甚為希有。
bỉ Bồ-đề hành nan đắc tu hành。nữ năng tu hành thậm vi hi hữu。
hạnh Bồ-đề ấy tu hành khó được, ngươi có thể tu hành rất là hiếm có.

得無垢女即發誓言。大德目連。
Đắc Vô Cấu Nữ tức phát thệ ngôn。Đại Đức mục liên。
Đắc Vô Cấu Nữ liền phát thệ rằng: Thưa Đại đức Mục liên,
我未來世當成如來應正遍知。如今世尊等無有異。若實不虛。
ngã vị lai thế đương thành Như Lai ứng Chánh biến Tri。như kim Thế Tônđẳng vô hữu dị。nhược thật bất hư。
con ở đời vị lai sẽ thành Như Lai ứng Chánh Biến Tri như Thế Tôn hôm nay tất cả không có khác. Nếu thật không hư dối,
令此三千大千世界六種震動無一眾生有怖畏者。
linh thử tam Thiên Đại Thiên thế giới lục chủng chấn động vô nhất chúng sanh hữu bố úy giả。
thời khiến cho Tam thiên Đại thiên thế giới này, lục chủng chấn động mà không một chúng sanh có sợ hãi.
我今實語。若我堪能如佛所說具足修行。
ngã kim thật ngữ。nhược ngã kham năng như Phật sở thuyết cụ túc tu hành。
Con nay nói lời thật, nếu con kham lãnh luôn như lời Phật nói mà tu hành đầy đủ,
今當雨華天諸妓樂自然出聲。
kim đương vũ hoa Thiên chư kĩ lạc tự nhiên xuất thanh。
nay sẽ mưa hoa các thứ kỷ nhạc của trời tiếng tự nhiên phát ra,
我婦女身轉為丈夫。得無垢女。如是說已。
ngã phụ nữ thân chuyển vi trượng phu。Đắc Vô Cấu Nữ。như thị thuyết dĩ。
con thân phụ nữ chuyển làm thân trượng phu. Đắc Vô Cấu Nữ nói như vậy xong,
即時三千大千世界六種震動。天諸妓樂自然出聲。
tức thời tam Thiên Đại Thiên thế giới lục chủng chấn động。Thiên chư kĩ lạc tự nhiên xuất thanh。
tức thời Tam thiên Đại thiên thế giới, lục chủng chấn động, các thứ kỷ nhạc của trời tự nhiên trỗi lên,
雨眾天華。得無垢女。轉婦女身即成丈夫。
vũ chúng Thiên hoa。Đắc Vô Cấu Nữ。chuyển phụ nữ thân tức thành trượng phu。
mưa xuống các loại hoa trời, Đắc Vô Cấu Nữ chuyển thân phụ nữ thành thân trượng phu,
如年十六端正童子。一切皆見。
như niên thập lục đoan chánh Đồng tử。nhất thiết giai kiến。
xinh đẹp như đứa trẻ mười sáu tuổi, tất cả đều thấy.
爾時尊者大目犍連白如來曰。希有世尊。如我意解。
nhĩ thời Tôn Giả Đại Mục-kiền-liên bạch Như Lai viết。hi hữu Thế tôn。như ngã ý giải。
Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch với Như Lai rằng: Hiếm có thưa Thế tôn, như ý con hiểu,
菩薩從初發心乃至道場。此得無垢。
Bồ-tát tùng sơ phát tâm nãi chí đạo trường。thử Đắc Vô Cấu。
Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến đạo tràng, Đắc Vô Cấu Nữ ấy,
如是神通最為第一。如是大力。如是大體。如實住持。
như thị Thần thông tối vi đệ nhất。như thị Đại lực。như thị Đại thể。như thật trú trì。
thần -thông như vậy là bậc nhất, Như thị đại lực, Như thị đại thể, Như thật trú trì.

此如是等。所見因緣。異異具足。如是說已。佛言。
thử như thị đẳng。sở kiến nhân duyên。dị dị cụ túc。như thị thuyết dĩ。Phật ngôn。
Các Như thị ấy, nhân duyên chỗ thấy đầy đủ các thứ kỳ lạ nói như vậy xong. Đức Phật liền nói:
如是如是。目連如汝所說。
như thị như thị。mục liên như nhữ sở thuyết。
Đúng vậy! Đúng vậy! Mục liên như chỗ ngươi nói,
菩薩從初發心乃至道場。彼是世間天人福田。
Bồ-tát tùng sơ phát tâm nãi chí đạo trường。bỉ thị thế gian Thiên Nhơn phúc điền。
Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến đạo tràng, đó chính là ruộng phước của thế gian, trời, người,
出過一切聲聞緣覺。時佛微笑。諸佛常法若微笑時。
xuất quá nhất thiết thanh văn duyên giác。thời Phật vi tiếu。chư Phật thường Pháp nhược vi tiếu thời。
vượt quá tất cả Thanh văn, Duyên giác, rồi Phật mỉm cười, đó là thường pháp của chư Phật. Khi mỉm cười,
則有若干無量種色。種種異色。青黃赤白紅紫頗梨。
tắc hữu nhược can vô lượng chủng sắc。chủng chủng dị sắc。thanh hoàng xích bạch hồng tử pha lê。
thì có vô lượng loại sắc, các loại sắc khác nhau: Xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, pha lê (trong suốt),
金寶色光從口中出。
kim bảo sắc quang tùng khẩu trung xuất。
ánh sắc vàng quý từ trong miệng xuất ra,
普照無量無數世界乃至梵世。照已還攝入如來頂。
phổ chiếu vô lượng vô số thế giới nãi chí phạm thế。chiếu dĩ hoàn nhiếp nhập Như Lai đính。
chiếu khắp vô lượng vô số thế giới cho đến cõi Phạm thiên, chiếu xong nhiếp thâu vào đỉnh đầu của Như Lai.
爾時尊者阿難從座而起。整服左肩右膝著地。
nhĩ thời Tôn Giả A-nan tùng tọa nhi khởi。chỉnh phục tả kiên hữu tất trước địa。
Lúc ấy Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y áo bày vai trái, quỳ xuống bên phải,
合掌向佛偈讚問曰。
hợp chưởng hướng Phật kệ tán vấn viết。
chấp tay hướng về Phật nói kệ khen hỏi rằng:

天王緊那羅
Thiên Vương khẩn na la
Thiên vương Khẩn-na-la,
娑婆世界主
Sa Bà thế giới chủ
Chủ của thế giới Ta-bà.

大梵天王聲
Đại Phạm Thiên Vương thanh
Tiếng Đại phạm thiên vương,
命命之音聲
mạng mạng chi âm thanh
Âm thanh chim mạng mạng.

音樂諸天聲
âm lạc chư Thiên thanh
Tiếng âm nhạc chư Thiên,
貪瞋癡寂靜
tham sân si tịch tĩnh
Tham, sân, si, tịch tĩnh.

世界皆生愛
thế giới giai sanh ái
無垢人王月
vô cấu nhân Vương nguyệt

Thế giới đều ưa thích,
力功德如海
lực công đức như hải
Sức công đức như biển,
復六種動地
phục lục chủng động địa
Lại Lục chủng chấn động,
空中雨天華
không trung vũ Thiên hoa
Hư không mưa hoa trời,
猶如師子王
do như Sư tử Vương
Giống như vua sư tử,
如來能摧壞
Như Lai năng tồi hoại
Như Lai mới phá tan
唯願牟尼尊
duy nguyện Mâu Ni tôn
Cúi mong đấng Mâu ni,
佛念何因緣
Phật niệm hà nhân duyên
Phật niệm nhân duyên gì,
億那由他數
ức na do tha số
Ức Na do tha số,
帝釋娑婆主
đế thích Sa Bà chủ
Đế thích chủ Ta bà,
從世尊面門
tùng Thế Tôndiện môn
Từ Diện môn Thế tôn,
彼十方光明
bỉ thập phương quang minh
Chiếu khắp mười phương kia,
額中滿如月
ngạch trung mãn như nguyệt
Trán rộng đầy như trăng,
明若秋日月
minh nhược thu nhật nguyệt
Sáng như trăng mua thu,
猶如電光發
do như điện quang phát
Giông như điện phát sáng,
釋迦牟尼尊
Thích Ca Mâu Ni tôn
Đấng Thích ca mâu ni,
如來今放光
Như Lai kim phóng quang
Như Lai phóng ánh sáng,

Vương nguyệt, người vô cấu.
何故放光明
hà cố phóng quang minh
Có gì phóng ánh sáng,
大地不傾覆
Đại địa bất khuynh phúc
Mà đại địa không đổ.
見者心愛樂
kiến giả tâm ái lạc
Người thấy tâm yêu thích.
破壞小野干
phá hoại tiểu dã can
Phá hoại loài dã can.
一切諸外道
nhất thiết chư ngoại đạo
Tất cả các ngoại đạo.
今日為我說
kim nhật vi ngã thuyết
Hôm nay vì con nói.
何人得大利
hà nhân đắc Đại lợi
Người nào được lợi lớn.
日月珠光明
nhật nguyệt châu quang minh
Nhật nguyệt châu chiếu sang.
乃至梵天光
nãi chí Phạm Thiên quang
Cho đến Phạm thiên quang.
出無垢淨光
xuất vô cấu Tịnh Quang
Phát ánh sáng vô cấu.
一切皆不現
nhất thiết giai bất hiện
Tất cả không hiển hiện.
眉間淨無垢
my gian tịnh vô cấu
Chặng mày sạch, vô cấu.
分陀華無異
phân đà hoa vô dị
Như hoa Phân-đà vậy.
螢火星不現
huỳnh hỏa tinh bất hiện
Sao, đom đóm không lập loè.
映蔽諸外道
ánh tế chư ngoại đạo
Ánh sang soi ngoại đạo.
何人得利益
hà nhân đắc lợi ích
Người nào được lợi ích.

尊者阿難。如是說已。佛言阿難。
Tôn Giả A-nan。như thị thuyết dĩ。Phật ngôn A-nan。
Tôn giả A-nan, nói như vậy xong, đức Phật nói với A-nan:
此得無垢如實住持。轉女人身得成男子。汝為見不。

thử Đắc Vô Cấu như thật trú trì。chuyển nữ nhân thân đắc thành nam tử。nhữ vi kiến bất。
Đắc Vô Cấu Nữ ấy Như thật trú trì, chuyển thân người nữ thành thân nam, ngươi có thấy chăng?
阿難答言。已見世尊。佛言阿難。此得無垢菩薩。
A-nan đáp ngôn。dĩ kiến Thế tôn。Phật ngôn A-nan。thử Đắc Vô Cấu Bồ-tát。
A-nan đáp: Dạ thấy, thưa Thế tôn! Phật nói với A-nan: Bồ-tát Đắc Vô Cấu ấy,
於八十千阿僧祇劫。行菩提行。
ư bát thập thiên a tăng kì kiếp。hành Bồ-đề hành。
ở nơi tám mươi nghìn a-tăng-kỳ-kiếp thực hành hạnh Bồ-đề,
求阿耨多羅三藐三菩提。於六十千阿僧祇佛所。
cầu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。ư lục thập thiên a tăng kì Phật sở。
cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở nơi sáu mươi nghìn a-tăng-kỳ kiếp đức Phật
行菩提行。文殊師利童子菩薩。爾乃於後發菩提心。
hành Bồ-đề hành。Văn-thù-sư-lợi Đồng tử Bồ-tát。nhĩ nãi ư hậu phát Bồ-đề tâm。
hành hạnh Bồ-đề. Đồng tử Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ông ở vào đời sau phát tâm Bồ-đề,
如文殊師利等八十千菩薩。
như Văn-thù-sư-lợi đẳng bát thập thiên Bồ-tát。
như Văn-thù-sư-lợi...tám mươi nghìn Bồ-tát,
若佛世界功德莊嚴。如得無垢菩薩一佛世界功德莊嚴。
nhược Phật thế giới công đức trang nghiêm。như Đắc Vô Cấu Bồ-tát nhất Phật thế giới công đức trang nghiêm。
nếu công đức trang nghiêm thế giới Phật như Đắc vô cấu Bồ-tát công đức trang nghiêm một thế giới Phật.
爾時尊者大目揵連。語得無垢菩薩言。
nhĩ thời Tôn Giả Đại Mục-kiền-liên。ngữ Đắc Vô Cấu Bồ-tát ngôn。
Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói Bồ-tát Đắc Vô Cấu rằng:
善男子。若仁如是久遠已來行菩提行。
thiện nam tử。nhược nhân như thị cửu viễn dĩ lai hành Bồ-đề hành。
Thiện nam tử! Nếu ngài từ lâu xa đến nay hành hạnh Bồ-đề,
求阿耨多羅三藐三菩提。如是女身何以不轉。
cầu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。như thị nữ thân hà dĩ bất chuyển。
cầu A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề, như vậy thân gái vì sao không chuyển?
得無垢言。大德目連。菩提覺者非女人身非男子身。
Đắc Vô Cấu ngôn。Đại Đức mục liên。Bồ-đề giác giả phi nữ nhân thân phi nam tử thân。
Đắc vô cấu nói: Thưa đại đức Mục liên! Giác ngộ Bồ-đề là chẳng phải thân gái chẳng phải thân trai.
何以故。菩提不生非身心覺。
hà dĩ cố。Bồ-đề bất sanh phi thân tâm giác。
Vì sao vậy? Vì Bồ-đề không sanh chẳng phải thân tâm cảm giác được.
爾時文殊師利童子作如是言。希有世尊。
nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Đồng tử tác như thị ngôn。hi hữu Thế tôn。
Lúc bấy giờ Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nói rằng: Hiếm có thưa Thế tôn!
此得無垢菩薩摩訶薩。乃能解此甚深解脫。

thử Đắc Vô Cấu Bồ-tát-ma-ha-tát。nãi năng giải thử thậm thâm giải thoát。
Bồ-tát Đắc Vô Cấu Ma-ha-tát ấy mới hiểu rõ nghĩa giải thoát thậm thâm này.
佛言。文殊師利。如得無垢菩薩。六十億佛所。
Phật ngôn。Văn-thù-sư-lợi。như Đắc Vô Cấu Bồ-tát。lục thập ức Phật sở。
Đức phật nói: Văn-thù-sư-lợi, như Bồ-tát Đắc Vô Cấu, ở nơi sáu mươi ức Phật,
行於梵行。修空三昧。滿八十千阿僧祇劫。
hành ư phạm hành。tu không tam muội。mãn bát thập thiên a tăng kì kiếp。
thực hành Phạm hạnh, tu Không tam-muội, đầy tám mươi nghìn a-tăng-kỳ kiếp,
修無生忍。於三十億佛所。難問彼佛已。
tu vô sanh nhẫn。ư tam thập ức Phật sở。nan vấn bỉ Phật dĩ。
tu Vô sanh nhẫn, ở nơi ba mươi ức đức Phật, hỏi han các đức Phật ấy xong,
說得無垢菩薩甚深解脫。諸菩薩中最為第一。
thuyết Đắc Vô Cấu Bồ-tát thậm thâm giải thoát。chư Bồ-tát trung tối vi đệ nhất。
nói Bồ-tát Đắc Vô Cấu giải thoát sâu xa là bậc nhất trong các vị Bồ-tát,
衣食供養八十億佛。問此論義辯才法門。
y thực cúng dường bát thập ức Phật。vấn thử luận nghĩa biện tài Pháp môn。
cúng dường y, tám mươi ức đức Phật, hỏi pháp môn Luận nghĩa biện tài ấy.
文殊師利。若善男子若善女人。聞此法門。
Văn-thù-sư-lợi。nhược thiện nam tử nhược Thiện Nữ Nhân。văn thử Pháp môn。
Văn-thù-sư-lợi, nếu người nam hay người nữ nào, nghe pháp môn này,
受持讀誦為他廣說。彼人如是得福甚多。何以故。
thọ trì độc tụng vi tha quảng thuyết。bỉ nhân như thị đắc phúc thậm đa。hà dĩ cố。
thọ trì đọc tụng vì người khác rộng nói, người ấy như vậy được phước rất nhiều. Vì sao vậy?
此法門者得入菩提具足因緣。
thử Pháp môn giả đắc nhập Bồ-đề cụ túc nhân duyên。
Vì pháp môn ấy có đầy đủ nhân duyên để vào Bồ-đề.
爾時文殊師利白佛言。世尊。
nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn。Thế tôn。
Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch đức Phật rằng: Bạch Thế tôn!
當以何名名此法門。我當云何而奉持之。
đương dĩ hà danh danh thử Pháp môn。ngã đương vân hà nhi phụng trì chi。
nên lấy tên gì đặt tên cho pháp môn ấy, chúng con làm sao mà phụng trì?
佛言。文殊師利。此法門者名論義辯才。
Phật ngôn。Văn-thù-sư-lợi。thử Pháp môn giả danh luận nghĩa biện tài。
Đức Phật nói: Văn-thù-sư-lợi, pháp môn ấy tên là Luận Nghĩa Biện Tài,
如是受持。名得無垢法門。如是受持。佛說是時。
như thị thọ trì。danh Đắc Vô Cấu Pháp môn。như thị thọ trì。Phật thuyết thị thời。
cứ như vậy mà phụng trì; tên gọi là Đắc Vô Cấu Pháp Môn, cứ như vậy mà phụng trì. Lúc đức Phật nói,
有八十億那由他眾生。諸天人等一切不退。
hữu bát thập ức na do tha chúng sanh。chư Thiên nhân đẳng nhất thiết bất thối。
có tám mươi ức na do tha chúng sanh, Chư Thiên, người... tất cả không thối chuyển,

決定當得阿耨多羅三藐三菩提。
quyết định đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。
quyết định chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.
爾時辯聚菩薩摩訶薩白佛言。世尊世尊。
nhĩ thời biện tụ Bồ-tát-ma-ha-tát bạch Phật ngôn。Thế TônThế tôn。
Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Biện tụ bạch đức Phật rằng: Bạch Thế tôn! Bạch Thế tôn,
得無垢菩薩摩訶薩。
Đắc Vô Cấu Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đại Bồ-tát Đắc Vô Cấu
幾時當得阿耨多羅三藐三菩提覺。佛言。善男子。
ki thời đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề giác。Phật ngôn。thiện nam tử。
trong thời gian bao lâu sẽ được giác ngộ A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề?
Đức Phật nói: Này Biện tụ!
是得無垢菩薩摩訶薩。過不可數百千阿僧祇劫。
thị Đắc Vô Cấu Bồ-tát-ma-ha-tát。quá bất khả sổ bách thiên a tăng kì kiếp。
Chính Đại Bồ-tát Đắc Vô Cấu trải qua vô số kiếp a-tăng-kỳ,
當得作佛號無垢笑憶念幢王如來應正遍知。
đương đắc tác Phật hiệu vô cấu tiếu ức niệm tràng Vương Như Lai ứng Chánh biến Tri。
sẽ được làm Phật hiệu Vô Cấu Tiếu Ức Niệm Tràng Vương Như Lai, ứng Chánh Biến Tri,
世界名曰無量淨妙功德莊嚴。
thế giới danh viết vô lượng tịnh diệu công đức trang nghiêm。
Thế giới tên là Vô Lượng Tịnh Diệu Công Đức Trang Nghiêm.
彼國無有聲聞緣覺過天富樂。
bỉ quốc vô hữu thanh văn duyên giác quá Thiên phú lạc。
Nước ấy không có Thanh văn, Duyên giác, vui hơn cõi Thiên phú.
爾時得無垢菩薩摩訶薩。於世尊前。
nhĩ thời Đắc Vô Cấu Bồ-tát-ma-ha-tát。ư Thế Tôntiền。
Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Đắc Vô Cấu ở trước Thế tôn
聞授記已歡喜踊躍。上昇虛空高八十億多羅樹。
văn thọ kí dĩ hoan hỉ dũng dược。thượng thăng hư không cao bát thập ức đa la thụ。
nghe thọ ký xong vui mừng hớn hở, bay lên hư không cao tám mươi ức cây Đa-la,
住虛空中放大光明。
trụ hư không trung phóng Đại quang minh。
trụ trong hư không phóng ánh sáng lớn.
其光遍照千佛世界世尊頂上。八十四千由旬寶華中住。
kỳ quang biến chiếu thiên Phật thế giới Thế Tônđính thượng。bát thập tứ thiên do tuần bảo hoa trung trụ。
Ánh sáng ấy soi khắp nghìn thế giới Phật trên đỉnh đầu Thế tôn, trụ trong tám vạn bốn nghìn do tuần hoa quý,
為供養佛如鳥飛下。繞佛千匝。合掌向佛於一面坐。
vi cúng dường Phật như điểu phi hạ。nhiễu Phật thiên tạp。hợp chưởng hướng Phật ư nhất diện tọa。
vì cúng dường Phật mà giống như chim bay xuống, nhiễu quanh Phật nghìn vòng, chấp tay hướng Phật ngồi về một phía.

爾時彼五百婆羅門并梵天婆羅門。
nhĩ thời bỉ ngũ bách Bà-la-môn tinh Phạm Thiên Bà-la-môn。
Lúc bấy giờ năm trăm Bà-la-môn và Phạm thiên Bà-la-môn kia,
見得無垢菩薩前勝神通。身毛肅然得淨心信深生愛敬。
kiến Đắc Vô Cấu Bồ-tát tiền thắng Thần thông。thân mao túc nhiên đắc tịnh tâm tín thâm sanh ái kính。
thấy Đại Bồ-tát Đắc Vô Cấu thần thông hơn trước, rợn mình kính cẩn được lòng tin thanh tịnh, sanh kỉnh ái,
合掌向佛而說偈言。
hợp chưởng hướng Phật nhi thuyết kệ ngôn。
chấp tay hướng Phật mà nói kệ rằng:

若恭敬如來
nhược cung kính Như Lai
Nếu cung kính Như Lai,

令何人決定
linh hà nhân quyết định tác
Khiến người nào quyết định,

我婆羅門種
ngã Bà-la-môn chủng
Tôi dòng Bà-la-môn,

見大聲聞師
kiến Đại thanh văn sư
Thấy thầy Đại thanh văn,

今懺悔此罪
kim sám hối thử tội
Nay sám hối tội ấy,

見佛子惡說
kiến Phật Tử ác thuyết
Thấy Phật tử nói xấu,

非善得人身
phi thiện đắc nhân thân
Chẳng khéo được thân người,

我若不見佛
ngã nhược bất kiến Phật
Tôi nếu không thấy Phật,

則與得無垢
tắc dữ Đắc Vô Cấu
Tức cùng Đắc Vô Cấu,

以見彼佛子
dĩ kiến bỉ Phật tử
Để thấy Phật tử ấy,

我問彼言曰
ngã vấn bỉ ngôn viết
Tôi hỏi người kia rằng,

彼言生七日
bỉ ngôn sanh thất nhật
Kia nói sanh bảy ngày,

彼說佛功德
bỉ thuyết Phật công đức
Kia nói công đức Phật,

我聞彼佛名
ngã văn bỉ Phật danh
Tôi nghe tên Phật ấy,

彼利是大利
bỉ lợi thị Đại lợi
Lợi ấy là đại lợi.

作佛法因緣
Phật Pháp nhân duyên
Làm nhân duyên Phật pháp.

前造作惡事
tiền tạo tác ác sự
Trước tạo làm việc ác.

說不善語
khẩu thuyết bất thiện ngữ
Miệng nói lời không tốt.

願後不受殃
nguyện hậu bất thọ ương
Nguyện sau không gặp nạn.

非是賢人語
phi thị hiền nhân ngữ
Không đúng lời người hiền.

虛損他飲食
hư tổn tha ẩm thực
Hư tổn người ăn uống.

勝妙功德王
thắng diệu công đức Vương
Vua công đức thù thắng.

相隨解奏去
tướng tùy giải tấu khứ
Theo nhau diễn tấu rõ.

恭敬須臾間
cung kính tu du gian
Trong chốc lát cung kính.

何處時見佛
hà xử thời kiến Phật
Được thấy Phật lúc nào?

爾時聞佛名
nhĩ thời văn Phật danh
Lúc ấy nghe tên Phật.

實體不異聞
thật thể bất dị văn
Thật thể không nghe khác.

深生淨信心
thâm sanh tịnh tín tâm
Sâu sanh tâm tịnh tín.

一切皆欲去
nhất thiết giai dục khứ
Tất cả đều muốn đi,
我前福因緣
ngã tiền phúc nhân duyên
Tôi nhân duyên phước trước,
來向釋師子
lai hướng thích Sư tử
Hướng đến Thích Sư tử,
求見佛禮拜
cầu kiến Phật lễ bái
Cầu thấy Phật lễ bái,
見此二足尊
kiến thử nhị túc tôn
Thấy Lưỡng Túc Tôn này,
若佛釋師子
nhược Phật thích Sư tử
Nếu Phật Thích Sư tử,
我學彼佛法
ngã học bỉ Phật Pháp
Tôi học Phật pháp ấy,
女聞佛法故
nữ văn Phật Pháp cố
Nữ được nghe Phật pháp,
我今入實法
ngã kim nhập thật Pháp
Tôi nay vào Phật pháp,
我信入佛法
ngã tín nhập Phật Pháp
Tôi tin vào Phật pháp,
彼堅固心知
bỉ kiên cố tâm tri
Tâm kiên cố ấy biết,
聖知阿難問
Thánh tri A-nan vấn
Thánh tri A-nan hỏi,
爾時世尊。
nhĩ thời Thế tôn。nhi thuyết kệ ngôn。
Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bèn nói rằng:
此等五百人
thử đẳng ngũ bách nhân
Cả năm trăm người ấy,
彼一切同時
bỉ nhất thiết đồng thời
Tất cả kia cùng lúc,
於八十億劫
ư bát thập ức kiếp
Ở tám mươi ức kiếp,
於一一劫中
ư nhất nhất kiếp trung
Ở trong từng kiếp sống,
過去已供養
quá khứ dĩ cúng dường

向無上菩提
hướng vô thượng Bồ-đề
Hướng Vô thượng Bồ-đề.
得聞佛名稱
đắc văn Phật danh xưng
Được nghe xưng tên Phật.
頭面禮佛足
đầu diện lễ Phật túc
Đầu mặt lễ chân Phật.
聞於無上法
văn ư vô thượng Pháp
Nghe nơi vô thượng Pháp.
得脫一切苦
đắc thoát nhất thiết khổ
Được thoát tất cả khổ.
實語人說法
thật ngữ nhân thuyết Pháp
Người nói pháp thật ngữ.
得佛法因緣
đắc Phật Pháp nhân duyên
Đặng nhân duyên Phật pháp.
得無上菩提
đắc vô thượng Bồ-đề
Đắc Bồ-đề Vô thượng.
菩薩行道門
Bồ-tát hành đạo môn
Cửa đạo hạnh Bồ-tát.
當得世間勝
đương đắc thế gian thắng
Sẽ được hơn thế gian.
憶念牟尼尊
ức niệm Mâu Ni tôn
Nhớ niệm Mâu ni tôn.
授一切人記
thụ nhất thiết nhân kí
Thọ ký tất cả người.
而說偈言。

梵天婆羅門
Phạm Thiên Bà-la-môn
Phạm thiên Bà-la-môn.
當得成佛道
đương đắc thành Phật đạo
Sẽ được thành Phật đạo.
作諸惡行
bất tác chư ác hành
Không tạo các hạnh ác.
得見億如來
đắc kiến ức Như Lai
Được thấy ức Như Lai.
滿足五百佛
mãn túc ngũ bách Phật

Quá khứ đã cúng dường,
Đầy đủ năm trăm Phật.

此後復得見
thử hậu phục đắc kiến
Sau này lại được thấy
億佛坐菩提
ức Phật tọa Bồ-đề
Ức Phật ngồi Bồ-đề

供養僧福田
cúng dường tăng phúc điền
Phước điền cúng dường Tăng,
八十億比丘
bát thập ức Tỷ kheo
Tám mươi ức Tỳ-kheo.

廣為諸眾生
quảng vi chư chúng sanh
Rộng vì các chúng sanh,
說如是法門
thuyết như thị Pháp môn
Nói pháp môn như vậy.

次第一切得
thứ đệ nhất thiết đắc
Lần lượt tất cả được,
寂靜涅槃樂
tịch tĩnh Niết-bàn lạc
Vui Niết-bàn tịch tĩnh.

佛說此經已。辯聚菩薩摩訶薩。

Phật thuyết thử Kinh dĩ。biện tụ Bồ-tát-ma-ha-tát。
Đức Phật nói kinh xong, Đại Bồ-tát Biện Tụ,

得無垢菩薩摩訶薩等一切菩薩。彼諸聲聞。

Đắc Vô Cấu Bồ-tátMa-ha-tát đẳng nhất thiết Bồ-tát。bỉ chư thanh văn。
Đại Bồ-tát Đắc Vô Cấu...tất cả các vị Bồ-tát, các vị Thanh văn,

彼婆羅門波斯匿王憍薩羅主及諸天人。

bỉ Bà-la-môn Ba-tư-nặc Vương kiêu tát la chủ cập chư Thiên nhân。
các Bà-la-môn, vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la và các Trời, Người,

并阿修羅乾闥婆等。聞世尊說歡喜奉行。

tinh A tu La Càn thát bà đẳng。văn Thế Tônthuyết hoan hỉ phụng hành。
cùng với A tu la, Càn thát bà.v.v. nghe Thế Tôn nói đều hoan hỉ phụng hành.

得無垢女經
Đắc Vô Cấu Nữ Kinh
Kinh Đắc Vô Cấu Nữ.

==========

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION http://www.daitangvietnam.com
Nguyên Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyên Hiển Trần Tiễn Huyến Phiên Âm và Lược Dịch Sun Apr 30 21:51:45 2006
==========